

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên: Lê Thị Thu Huyền

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Văn Tường

HẢI PHÒNG – 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI
PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG
TY TNHH SEIDENSTICKER VIỆT NAM**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

Sinh viên: Lê Thị Thu Huyền

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Văn Tường

HẢI PHÒNG – 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Lê Thị Thu Huyền

Mã SV: 1213401052

Lớp: QTL601K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Seidensticker Việt Nam.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Trình bày các cơ sở lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp
 - Phân tích thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Seidensticker Việt Nam
 - Đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Seidensticker Việt Nam
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp
 - Quy chế, quy định về kế toán – tài chính tại doanh nghiệp
 - Hệ thống sổ kế toán liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Seidensticker Việt Nam, sử dụng số liệu năm 2012.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp:
 - Công ty TNHH Seidensticker Việt Nam
 - Địa chỉ: Phường Văn An – Chí Linh – Hải Dương

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Phạm Văn Tường

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Seidensticker Việt Nam

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 31 tháng 03 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 06 tháng 07 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Lê Thị Thu Huyền

Th.s Phạm Văn Tường

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2014

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

- 1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**
 - Thái độ nghiêm túc, ham học hỏi, có nhiều cố gắng, nỗ lực trong quá trình nghiên cứu và làm đề tài tốt nghiệp. Trách nhiệm cao, chịu khó, có tinh thần cầu thị, khiêm tốn, nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu.
 - Thường xuyên liên hệ với giáo viên hướng dẫn để trao đổi và xin ý kiến về các nội dung trong đề tài. Tiếp thu nhanh, vận dụng tốt lý thuyết với thực tiễn làm cho bài viết thêm sinh động
 - Đảm bảo đúng tiến độ thời gian theo quy định của Nhà trường và Khoa trong quá trình làm tốt nghiệp.

- 2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**
 - Khóa luận tốt nghiệp được chia thành ba chương có bố cục và kết cấu cân đối, hợp lý.
 - Mục tiêu, nội dung và kết quả nghiên cứu rõ ràng. Tác giả đề tài đã nêu bật được các vấn đề cơ sở lý luận và thực tiễn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Seidensticker Việt Nam.
 - Các giải pháp về hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh mà tác giả đề xuất có tính khả thi và có thể áp dụng được tại doanh nghiệp.

- 3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**
 - Điểm số:.....
 - Điểm chữ:.....điểm.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 6 năm 2014

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Phạm Văn Tường

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	2
1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	2
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp	2
1.1.2. Một số khái niệm cơ bản	2
1.1.2.1. Doanh thu	2
<i>1.1.2.1.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	3
<i>1.1.2.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu:</i>	4
<i>1.1.2.1.3. Doanh thu thuần</i>	5
<i>1.1.2.1.4. Doanh thu hoạt động tài chính</i>	5
<i>1.1.2.1.5. Thu nhập khác</i>	5
1.1.2.2. Chi phí	6
<i>1.1.2.2.1. Giá vốn hàng bán</i>	6
<i>1.1.2.2.2. Chi phí quản lý kinh doanh</i>	6
<i>1.1.2.2.3. Chi phí hoạt động tài chính</i>	6
<i>1.1.2.2.4. Chi phí khác</i>	6
<i>1.1.2.2.5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	7
1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh	7
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp	7
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	8
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu	8
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng	8
1.2.1.2. Tài khoản sử dụng	9
1.2.1.3. Phương pháp hạch toán	10
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán	10

1.2.2.1. Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho	10
1.2.2.2. Chứng từ sử dụng.....	11
1.2.2.3. Tài khoản sử dụng.....	11
1.2.2.4. Phương pháp hạch toán.....	13
1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	14
1.2.3.1. Chứng từ sử dụng.....	14
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng.....	14
1.2.3.3. Phương pháp hạch toán.....	15
1.2.4. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính	15
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng.....	15
1.2.4.2. Tài khoản sử dụng.....	15
1.2.4.3. Phương pháp hạch toán.....	17
1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.....	19
1.2.5.1. Chứng từ sử dụng.....	19
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng.....	19
1.2.5.3. Phương pháp hạch toán.....	19
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	21
1.2.6.1. Chứng từ sử dụng.....	21
1.2.6.2. Tài khoản sử dụng.....	21
1.2.6.3. Phương pháp hạch toán.....	22
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	23
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SEIDENSTICKER VIỆT NAM.....	28
2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Seidensticker Việt Nam.....	28
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty	28
2.1.2. Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty.....	28
2.1.3. Tổ chức bộ máy của Công ty TNHH Seidensticker Việt Nam.....	29
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Seidensticker	30
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán	30
2.1.4.2. Các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty	31
2.1.4.3. Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán.....	31
2.1.4.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán	31
2.1.4.5. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính	32

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Seidensticker.	32
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	32
2.2.1.1. Nội dung doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty	32
2.2.1.2. Chứng từ sử dụng	32
2.2.1.3. Tài khoản sử dụng	33
2.2.1.4. Quy trình hạch toán	33
2.2.1.5. Ví dụ minh họa	34
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán	42
2.2.2.1. Nội dung giá vốn hàng bán tại Công ty	42
2.2.2.2. Chứng từ sử dụng	42
2.2.2.3. Tài khoản sử dụng	42
2.2.2.4. Quy trình hạch toán	42
2.2.2.5. Ví dụ minh họa	43
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	46
2.2.3.1. Nội dung chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty	46
2.2.3.2. Chứng từ sử dụng	46
2.2.3.3. Tài khoản sử dụng	46
2.2.3.4. Quy trình hạch toán	46
2.2.3.5. Ví dụ minh họa	47
2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính	54
2.2.4.1. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính	54
2.2.4.2. Chứng từ sử dụng	54
2.2.4.3. Tài khoản sử dụng	54
2.2.4.4. Quy trình hạch toán	54
2.2.4.5. Ví dụ minh họa	55
2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	58
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	58
2.2.6.1. Chứng từ sử dụng	58
2.2.6.2. Tài khoản sử dụng	58
2.2.6.3. Quy trình hạch toán	58
CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SEIDENSTICKER.	67

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty	67
3.1.1. Ưu điểm	67
3.1.2. Hạn chế	69
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Seidensticker.	69
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	69
3.2.2. Điều kiện thực hiện các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty	70
3.2.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty	70
3.2.3.1. Hiện đại hoá công tác kế toán	71
3.2.3.2. Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán tại Công ty	75
3.2.3.3. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ	80
3.2.3.5. Một số giải pháp khác	80
KẾT LUẬN	81

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	10
Sơ đồ 1.2: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên ...	13
Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ ..	14
Sơ đồ 1.4: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	15
Sơ đồ 1.5: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính	18
Sơ đồ 1.6: Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	20
Sơ đồ 1.7: Kế toán xác định kết quả kinh doanh	23
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức	29
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty	30
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán	32
Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại Công ty	33
Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty	42
Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh của Công ty ..	46
Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán doanh thu và chi phí tài chính tại Công ty TNHH Seidensticker	54
Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty ..	59

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1 – Hợp đồng gia công đặt hàng	37
Biểu số 2.2 – Hoá đơn GTGT số 0000021	38
Biểu số 2.3 – Hoá đơn GTGT số 0000023	39
Biểu số 2.4 – Trích Sổ nhật ký chung	40
Biểu số 2.5 – Trích Sổ cái TK 511	41
Biểu số 2.6 – Trích Sổ nhật ký chung	44
Biểu số 2.7 – Trích Sổ cái TK 632	45
Biểu số 2.8 – Phiếu chi số 202	48
Biểu số 2.9 – Hoá đơn GTGT số 13587	49
Biểu số 2.10 – Phiếu chi số 203	50
Biểu số 2.11 – Bảng tính và phân bổ tiền lương	51
Biểu số 2.12 – Trích Sổ nhật ký chung	52
Biểu số 2.13 – Trích Sổ cái TK 642	53
Biểu số 2.14: GIẤY BÁO CÓ của ngân hàng	55
Biểu số 2.15 – Trích Sổ nhật ký chung	56
Biểu số 2.16 – Trích Sổ cái TK 515	57
Biểu 2.17 – Phiếu kế toán 30	60
Biểu số 2.18 – Phiếu kế toán 31	60
Biểu số 2.19 – Phiếu kế toán số 32	61
Biểu số 2.20 – Phiếu kế toán số 33	61
Biểu số 2.21 – Phiếu kế toán số 34	62
Biểu số 2.22 – Trích Sổ nhật ký chung	63
Biểu số 2.23 – Trích Sổ cái TK 911	64
Biểu số 2.24 – Trích Sổ cái TK 821	65
Biểu số 2.25 – Trích Sổ cái TK 421	66
Biểu số 3.1 – Sổ chi phí sản xuất kinh doanh tài khoản 6421	76
Biểu số 3.2 – Sổ chi phí sản xuất kinh doanh tài khoản 6422	77
Biểu 3.3 – Sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán)	78
Biểu 3.4 – Bảng tổng hợp thanh toán với người mua (người bán)	79
Biểu số 3.5 – Phiếu giao nhận chứng từ	80

LỜI MỞ ĐẦU

Nền kinh tế càng ngày càng phát triển đã mở ra vô vàn cơ hội lẫn thách thức cho các doanh nghiệp. Để có thể tồn tại và vươn lên thì các doanh nghiệp cần chủ động trong sản xuất kinh doanh, nắm bắt các thông tin; đặc biệt là các thông tin kinh tế tài chính một cách nhanh chóng và chuẩn xác.

Doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh là những thông tin quan trọng không chỉ đối với doanh nghiệp mà còn quan trọng đối với nhà nước, nhà đầu tư, các tổ chức tài chính,... Các thông tin này được kế toán trong công ty tập hợp, phản ánh dưới dạng các con số và chỉ tiêu kinh tế tài chính. Việc xác định đúng doanh thu, chi phí tạo điều kiện thuận lợi cho nhà quản trị đưa ra quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời trong việc quản lý, điều hành và phát triển công ty. Nhận thức tầm quan trọng của vấn đề trên, trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Seidensticker Việt Nam em đã đi sâu vào nghiên cứu đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Seidensticker Việt Nam”**.

Khoá luận gồm 3 chương:

Chương 1:*Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp*

Chương 2:*Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Seidensticker Việt Nam*

Chương 3:*Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Seidensticker Việt Nam*

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo khoa kế toán kiểm toán Trường Đại học Dân lập Hải Phòng đặc biệt là GV – TH.s Phạm Văn Tường đã tận tình hướng dẫn em hoàn thành khoá luận này. Em cũng xin cảm ơn ban lãnh đạo và cán bộ phòng kế toán Công ty TNHH Seidensticker Việt Nam đã giúp đỡ em trong quá trình thực tập tại công ty.

Em xin chân thành cảm ơn !

CHƯƠNG I:

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm là làm thế nào để hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao nhất (tối đa hoá lợi nhuận và giảm thiểu hoá chi phí). Các yếu tố liên quan trực tiếp đến việc xác định lợi nhuận của một doanh nghiệp chính là doanh thu, thu nhập và các khoản chi phí. Do đó, việc tổ chức công tác kế toán về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò vô cùng quan trọng.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không chỉ cần thiết đối với các nhà quản trị doanh nghiệp mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với các đối tượng khác trong nền kinh tế quốc dân.

+ Đối với nhà đầu tư: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp từ đó đưa ra quyết định đầu tư hợp lý.

+ Đối với các trung gian tài chính như Ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp nhằm đưa ra quyết định cho vay bao nhiêu và vay trong bao lâu.

+ Đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp cho các nhà hoạch định chính sách của Nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô, xác định đúng số thuế thu nhập doanh nghiệp mà doanh nghiệp phải nộp cho Nhà nước,

1.1.2. Một số khái niệm cơ bản

1.1.2.1. Doanh thu

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu. Doanh thu bao gồm:

1.1.2.1.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được từ việc bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp

Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng BTC thì doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thoả mãn 5 điều kiện:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

- **Thời điểm ghi nhận doanh thu theo các phương thức bán hàng:**

- *Phương thức bán hàng trực tiếp cho khách hàng:*

Theo phương thức này, căn cứ vào hợp đồng mua bán đã được ký kết, bên mua cử cán bộ đến nhận hàng tại kho của doanh nghiệp. Khi nhận hàng xong, người nhận hàng ký xác nhận vào hoá đơn bán hàng và số hàng đó được xác định là tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

- *Phương thức gửi hàng cho khách:*

Là phương thức bên bán gửi hàng đi cho khách theo các điều kiện của hợp đồng kinh tế đã ký kết. Số hàng gửi đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của bên bán, khi khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua, giá trị hàng hoá đã được thực hiện và là thời điểm bên bán được ghi nhận doanh thu bán hàng.

- *Phương thức gửi đại lý, ký gửi:*

Theo phương thức này, doanh nghiệp xuất kho thành phẩm hàng hoá gửi đi bán cho khách hàng theo hợp đồng ký kết giữa hai bên. Khi hàng xuất kho gửi đi bán thì hàng chưa xác định là tiêu thụ. Hàng gửi bán chỉ hạch toán vào doanh thu khi doanh nghiệp đã nhận được tiền bán hàng do khách hàng trả, khách hàng đã nhận được hàng và chấp nhận thanh toán, khách hàng đã ứng trước tiền mua hàng về số hàng gửi đi bán.

- *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:*

Theo phương thức này, khi bán hàng doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán hàng trả ngay, khách hàng được chậm trả tiền hàng và phải chịu phần lãi chậm trả theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng mua bán hàng. Phần lãi chậm trả được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi về trả chậm, trả góp.

- *Phương thức hàng đổi hàng:*

Theo phương pháp này, doanh nghiệp lấy sản phẩm của mình quy ra giá cả trên thị trường rồi dùng số tiền quy đổi đó để mua sản phẩm của đơn vị khác. Trong trường hợp này, doanh thu được tính theo giá sản phẩm cùng loại mà doanh nghiệp bán thu tiền.

1.1.2.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu:

Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng nộp theo phương pháp trực tiếp, được tính giảm trừ vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần, làm cơ sở để tính kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán.

*) **Chiết khấu thương mại:** là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng của từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

*) **Giảm giá hàng bán:** là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hoặc một phần hàng hoá kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

*) **Hàng bán bị trả lại:** là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận giá trị hàng bán bị trả lại đồng thời ghi nhận giảm tương ứng giá vốn hàng bán trong kỳ.

*) **Các loại thuế phải nộp Nhà nước:**

- Thuế tiêu thụ đặc biệt được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp cung cấp các loại sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất (hoặc các loại dịch vụ) thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB cho khách hàng.

- Thuế xuất khẩu được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp có hàng hoá được phép xuất khẩu qua cửa khẩu hay biên giới. Doanh nghiệp phải có nghĩa vụ nộp thuế xuất khẩu. Trong doanh thu của hàng xuất khẩu đã bao gồm số thuế xuất khẩu phải nộp vào ngân sách nhà nước.

- Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp là tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất tới tiêu dùng. Thuế GTGT phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ báo cáo.

1.1.2.1.3. Doanh thu thuần

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

1.1.2.1.4. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá dịch vụ, lãi cho thuê tài chính, cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản, cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, thu nhập chuyển nhượng, các hoạt động đầu tư khác, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, tỷ giá ngoại tệ...

Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ
- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng
- Cổ tức và lợi nhuận được chia ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

1.1.2.1.5. Thu nhập khác

Thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

Thu nhập khác quy định trong chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” bao gồm các khoản thu từ hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu gồm:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xoá sổ tính vào chi phí kỳ trước
- Khoản nợ phải trả nay đã mất chủ được ghi tăng thu nhập
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại
- Các khoản thu khác

Khoản thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ là tổng số tiền đã thu và sẽ thu được của người mua từ hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

1.1.2.2. Chi phí

Chi phí là các khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cho các hoạt động khác... mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Chi phí bao gồm các khoản sau:

1.1.2.2.1. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của hàng hoá, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ.

- Đối với hàng hoá, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ giá vốn hàng bán là giá thành sản phẩm hay chi phí sản xuất.

- Đối với hàng hoá tiêu thụ, giá vốn hàng bán bao gồm trị giá mua của hàng đã tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ chi phí cho hàng tiêu thụ

1.1.2.2.2. Chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh phản ánh các khoản chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ và hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn bộ doanh nghiệp.

1.1.2.2.3. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm : các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay, đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch chứng khoán, các khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ...

1.1.2.2.4. Chi phí khác

Chi phí khác phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Chi phí khác bao gồm những khoản chi phí (hoặc khoản lỗ) phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp và chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp; cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước như: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm hàng hoá.

1.1.2.2.5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi, lỗ từ các loại hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận trước} & & \text{Lợi nhuận từ} & & \text{Lợi nhuận từ} & & \text{Lợi nhuận từ} \\ \text{thuế của doanh} & = & \text{hoạt động kinh} & + & \text{hoạt động tài} & + & \text{hoạt động} \\ \text{nghiệp} & & \text{doanh} & & \text{chính} & & \text{khác} \end{array}$$

Trong đó:

$$\text{Lợi nhuận từ hoạt} \quad = \quad \text{Doanh thu} \quad - \quad \text{Giá vốn hàng} \quad - \quad \text{Chi phí quản lý} \\ \text{động kinh doanh} \quad \quad \quad \text{thuần} \quad \quad \quad \text{bán} \quad \quad \quad \text{kinh doanh}$$

$$\text{Lợi nhuận từ hoạt động tài} \quad = \quad \text{Doanh thu hoạt động} \quad - \quad \text{Chi phí hoạt động} \\ \text{chính} \quad \quad \quad \text{tài chính} \quad \quad \quad \text{tài chính}$$

$$\text{Lợi nhuận từ hoạt động khác} \quad = \quad \text{Thu nhập khác} \quad - \quad \text{Chi phí khác}$$

$$\begin{array}{ccc} \text{Lợi nhuận sau thuế thu nhập} & \text{Lợi nhuận trước} & \text{Chi phí thuế thu nhập} \\ \text{doanh nghiệp (lợi nhuận ròng} & \text{thuế của doanh} & \text{doanh nghiệp hiện} \\ \text{hay lãi ròng)} & \text{nghiệp} & \text{hành} \end{array} =$$

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã... đối với từng loại hàng hoá, dịch vụ bán ra.

- Phản ánh ghi chép đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh

- Theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu hoạt động bất thường.

- Phải theo dõi chi tiết, riêng biệt theo từng loại doanh thu kể cả doanh thu nội bộ nhằm phản ánh kịp thời, chi tiết, đầy đủ kết quả kinh doanh làm căn cứ lập các báo cáo tài chính.

- Xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập các báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh

- Xác định và tập hợp đầy đủ giá vốn, chi phí bán hàng, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận. Từ đó đưa ra những kiến nghị, biện pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp cho ban lãnh đạo để có những việc làm cụ thể phù hợp với thị trường.

1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn bán hàng thông thường, hóa đơn GTGT

- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi

- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng,...

- Các chứng từ khác có liên quan: Phiếu xuất kho bán hàng, phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại, hoá đơn vận chuyển, bốc dỡ,...

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng

❖ **TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp

✓ **Bên Nợ**

- + Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ
- + Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.
- + Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.
- + Số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng
- + Số thuế giá trị gia tăng phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp.
- + Kết chuyển doanh thu thuần vào **TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.**

✓ **Bên Có**

+ Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

✓ *TK 511 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.*

✓ *TK 511 có 4 tiểu khoản cấp 2 :*

+ *TK 5111 : Doanh thu bán hàng hoá*

+ *TK 5112 : Doanh thu bán các thành phẩm*

+ *TK 5113 : Doanh thu cung cấp dịch vụ*

+ *TK 5118 : Doanh thu khác*

❖ **TK 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu**

✓ *TK 521 có 3 tài khoản cấp 2:*

+ *TK 5211 – Chiết khấu thương mại*

+ *TK 5212 – Hàng bán bị trả lại*

+ *TK 5213 – Giảm giá hàng bán*

✓ **Bên Nợ:**

- Trị giá hàng bán bị trả lại, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán,.. đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào số nợ phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hoá đã bán ra.

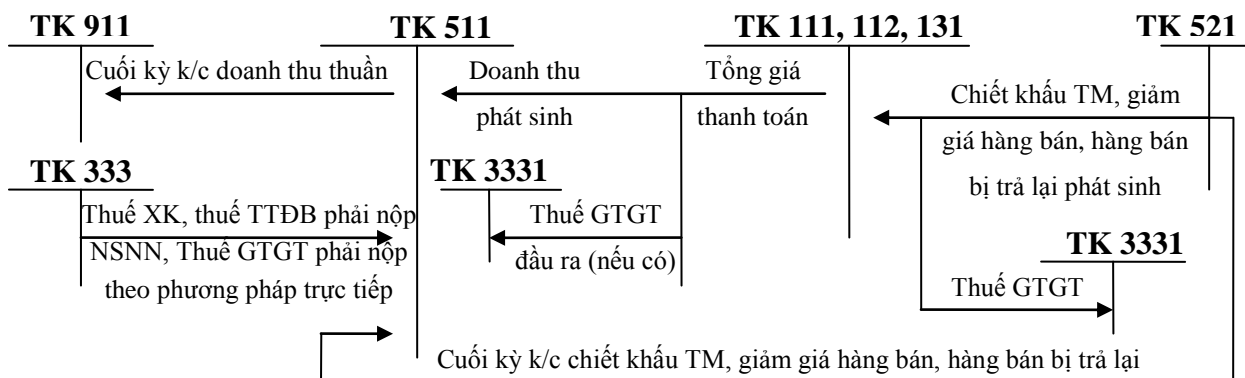
✓ **Bên Có:**

Kết chuyển toàn bộ các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ sang TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.

✓ TK 521 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.

1.2.1.3. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.2.1. Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho

Để tính giá trị hàng xuất kho, kế toán có thể áp dụng một trong bốn phương pháp tính trị giá hàng xuất kho theo quy định chuẩn mực kế toán số 02 “Hàng tồn kho”

CT chung : **Trị giá xuất kho = Số Lượng × Đơn giá xuất**

✓ **Phương pháp bình quân gia quyền:**

Giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

Có 2 cách tính đơn giá :

- **Phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ**

$$\text{Đơn giá BQ cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá vật tư HH tồn ĐK} + \text{Trị giá vật tư HH nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng HH tồn ĐK} + \text{Số lượng HH nhập trong kỳ}}$$

- **Phương pháp bình quân liên hoàn** (Tính giá bình quân sau mỗi lần nhập)

$$\text{Đơn giá BQ liên hoàn} = \frac{\text{Trị giá vật tư tồn trước lần nhập n} + \text{Trị giá vật tư lần nhập n}}{\text{Số lượng vật tư trước lần nhập n} + \text{Số lượng vật tư lần nhập n}}$$

✓ **Phương pháp nhập trước xuất trước :**

Phương pháp này được áp dụng dựa trên giả định hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ. Giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho

✓ **Phương pháp nhập sau xuất trước :**

Phương pháp này được áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước. hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho

✓ **Phương pháp tính theo giá đích danh:**

Áp dụng đối với doanh nghiệp có ít mặt hàng hay mặt hàng ổn định, nhận diện được

1.2.2.2. Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn bán hàng thông thường
- Phiếu xuất kho

1.2.2.3. Tài khoản sử dụng

Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên sử dụng tài khoản: **TK 632 – Giá vốn hàng bán.**

Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ sử dụng tài khoản: **TK 631 – Giá thành sản xuất**

TK 632 – Giá vốn hàng bán

❖ **Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán**

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ.

• **Trường hợp hạch toán HTK theo phương pháp kê khai thường xuyên:**

✓ **Bên Nợ:**

- + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ.

+ Chi phí NVL, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

+ Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.

+ Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.

+ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

✓ **Bên Có:**

+ Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang **TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh**.

+ Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.

+ Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

✓ *Tài khoản 632 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.*

• **Trường hợp hạch toán HTK theo phương pháp kiểm kê định kỳ:**

✓ **Bên Nợ:**

+ Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ;

+ Trị giá vốn của hàng hoá đã xuất bán trong kỳ;

+ Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.

+ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

✓ **Bên Có:**

+ Kết chuyển giá vốn của hàng đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ.

+ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính

+ Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã xuất bán vào bên Nợ Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

+ Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ.

+ Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

✓ *Tài khoản 632 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.*

❖ **Tài khoản 631 – Giá thành sản xuất**

Tài khoản này dùng để phản ánh tổng hợp chi tiết sản xuất và tính giá thành dịch vụ ở các đơn vị sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp và

các đơn vị kinh doanh dịch vụ vận tải, bưu điện, du lịch, khách sạn,... trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

✓ **Bên Nợ:**

- + Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ dở dang đầu kỳ.
- + Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ thực tế phát sinh trong kỳ.

✓ **Bên Có:**

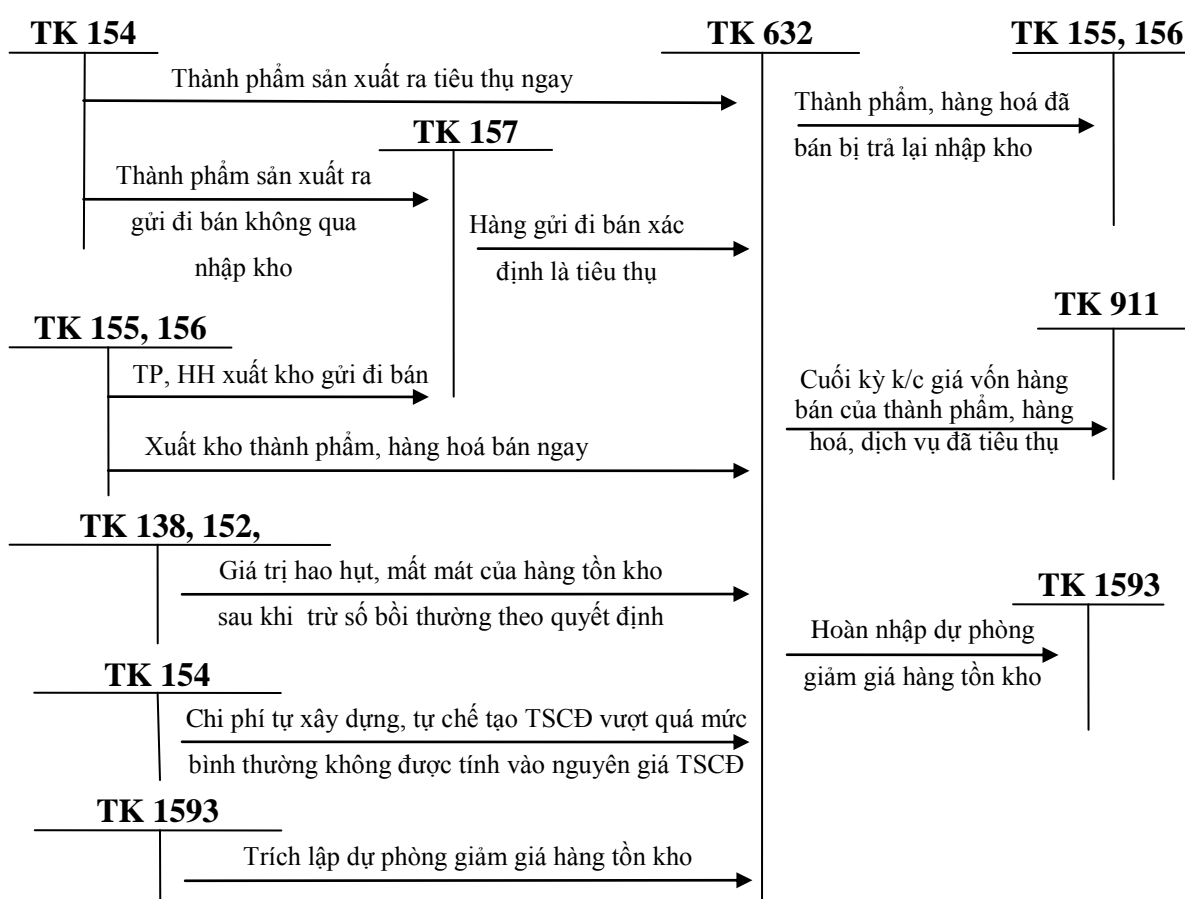
+ Giá thành sản phẩm nhập kho, dịch vụ hoàn thành kết chuyển vào TK 632 – Giá vốn hàng bán.

+ Chi phí sản xuất kinh doanh dịch vụ dở dang cuối kỳ kết chuyển vào TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

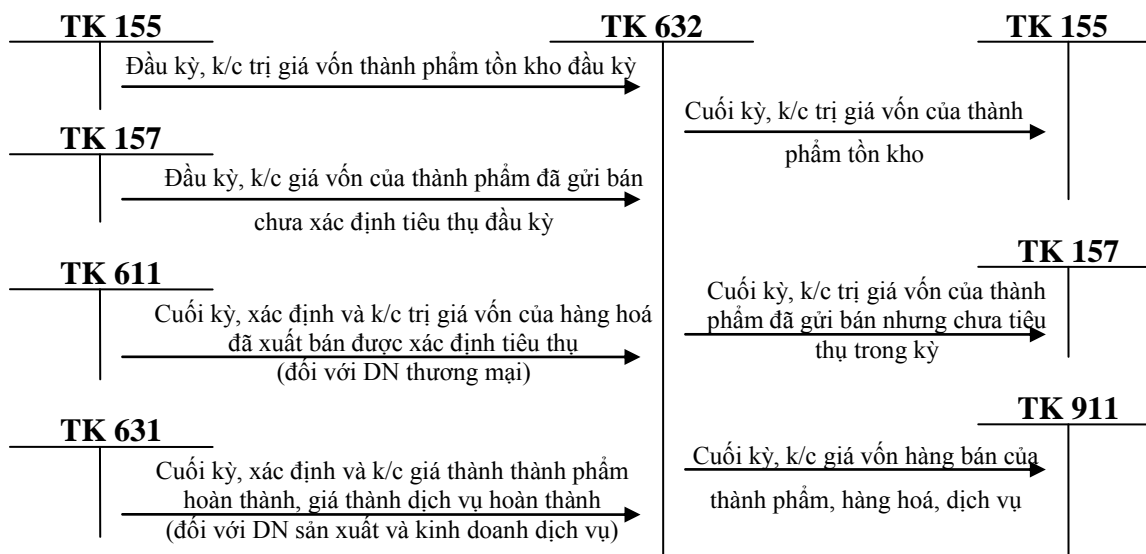
✓ Tài khoản 631 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.

1.2.2.4. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.2: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Các chứng từ gốc có liên quan: Phiếu chi, Phiếu xuất kho, Phiếu kế toán...

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

❖ **TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh**

- Các tài khoản cấp 2:

+ TK 6421 – Chi phí bán hàng

+TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

✓ **Bên Nợ:**

- Chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ.

✓ **Bên Có:**

- Các khoản ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh trong kỳ.

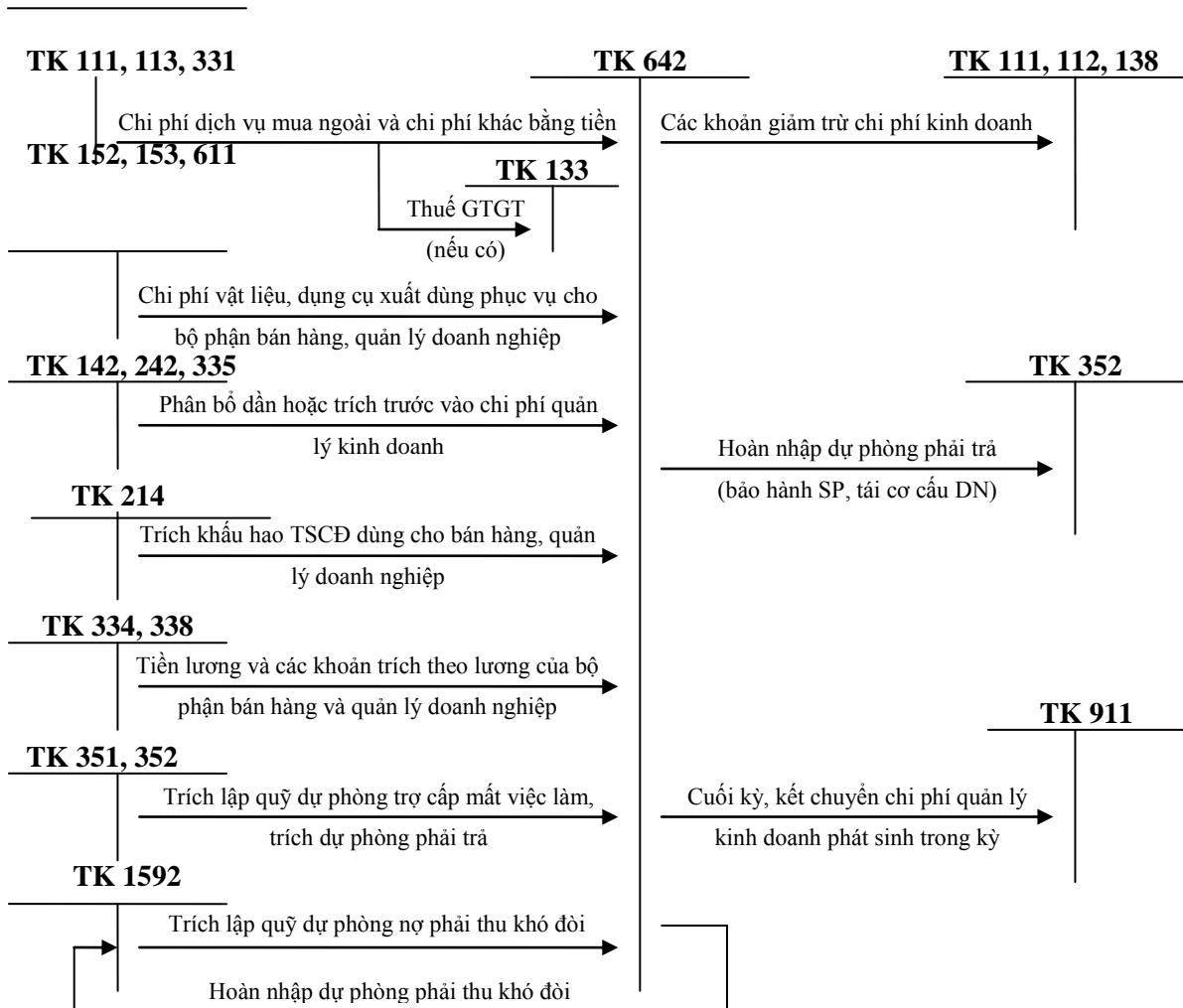
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào bên Nợ **TK 911 – Xác định**

kết quả kinh doanh.

- ✓ Tài khoản 642 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.4: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh



1.2.4. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo Nợ, giấy báo Có
- Phiếu kế toán

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

- ❖ **TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

✓ **Bên Nợ**

+ Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)

+ Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang **TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh**.

✓ **Bên Có**

+ Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia

+ Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.

+ Chiết khấu thanh toán được hưởng.

+ Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh

+ Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ

+ Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.

+ Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (Giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.

+ Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

✓ *Tài khoản 515 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.*

❖ **TK 635 – Chi phí tài chính**

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

✓ **Bên Nợ**

+ Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.

+ Lỗ bán ngoại tệ

+ Chiết khấu thanh toán cho người mua

+ Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.

+ Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.

+ Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

+ Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.

+ Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

✓ **Bên Có**

+ Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

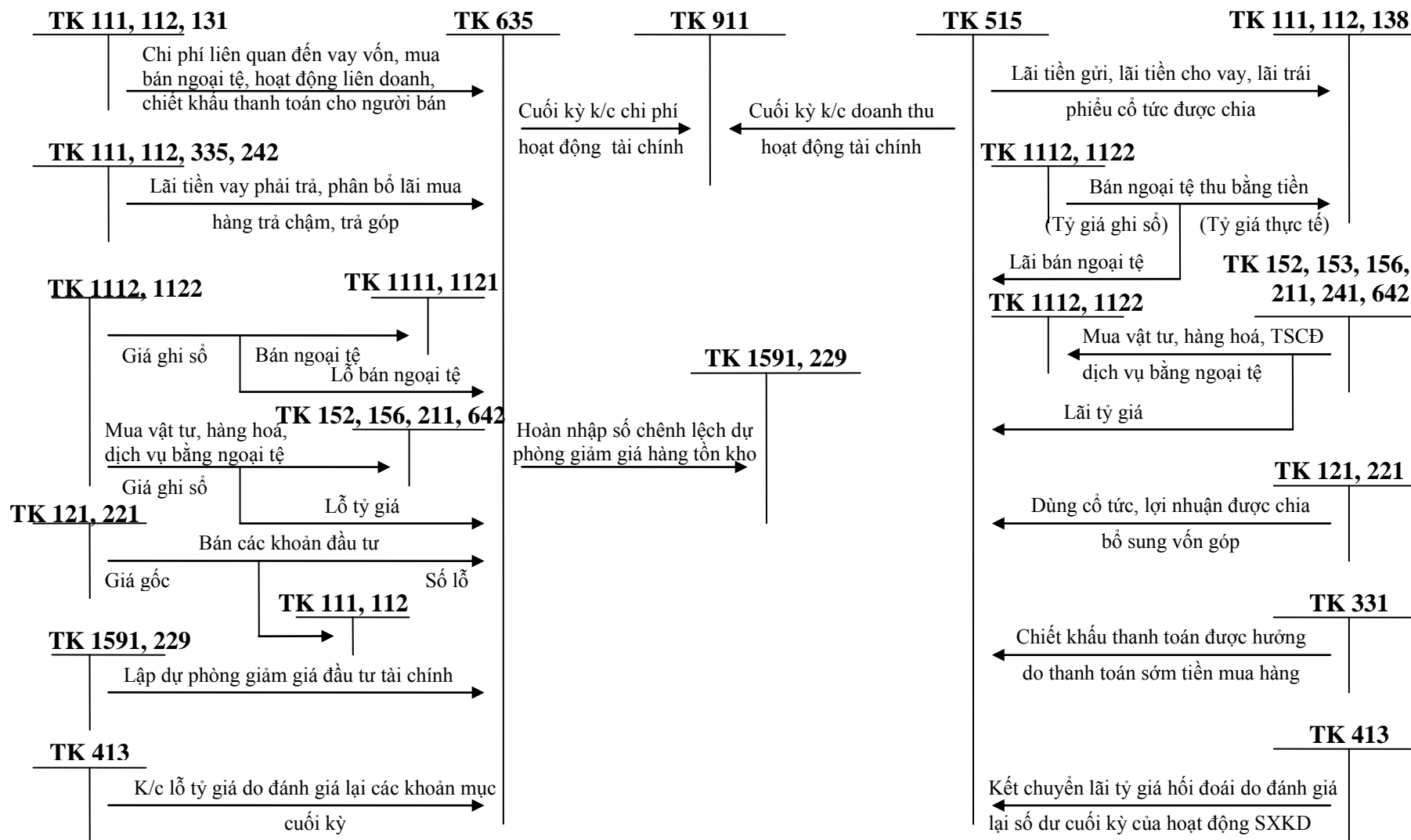
+ Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

✓ *Tài khoản 635 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.*

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính được thể hiện qua sơ đồ 1.5:

Sơ đồ 1.5: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính



1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy uỷ nhiệm chi, giấy báo có...
- Các chứng từ liên quan khác: biên bản thanh lý hợp đồng kinh tế,...

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng

❖ *TK 711 – Thu nhập khác*

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

✓ **Bên Nợ**

+ Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp

+ Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang *TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh*.

✓ **Bên Có**

Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

✓ *Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.*

❖ *TK 811 – Chi phí khác*

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

✓ **Bên Nợ**

Các khoản chi phí khác phát sinh

✓ **Bên Có**

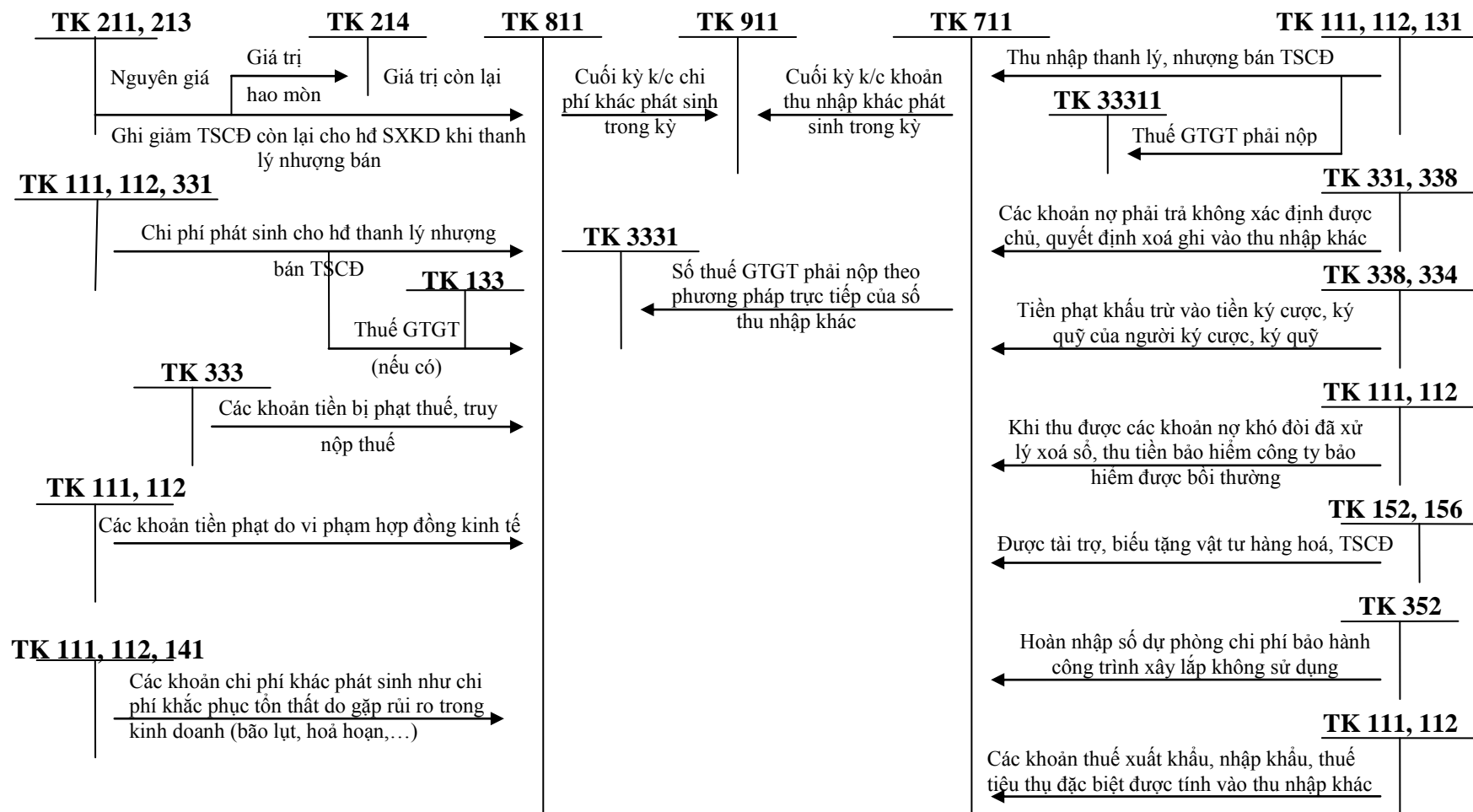
Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

✓ *Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ*

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.6: Kế toán thu nhập khác và chi phí khác



1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.6.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng

❖ **TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh**

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm.

✓ **Bên Nợ:**

- Kết chuyển trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh (gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp).
- Kết chuyển lãi.

✓ **Bên Có:**

- Kết chuyển doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Kết chuyển lỗ.

✓ *Tài khoản 911 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.*

❖ **TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối**

✓ **Bên Nợ**

- + Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp
- + Trích lập các quỹ của doanh nghiệp
- + Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh
- + Bổ sung nguồn vốn kinh doanh
- + Nộp lợi nhuận lên cấp trên

✓ **Bên Có**

- + Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của DN trong kỳ
- + Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù.
- + Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh

✓ **TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối có 2 tiểu khoản cấp 2 :**

+ TK 4211 : Lợi nhuận chưa phân phối năm trước

+ TK 4212 : Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

✓ Tài khoản 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có

❖ **TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

✓ **Bên Nợ:**

+ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm.

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại.

✓ **Bên Có:**

+ Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đã ghi nhận trong năm.

+ Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện tại.

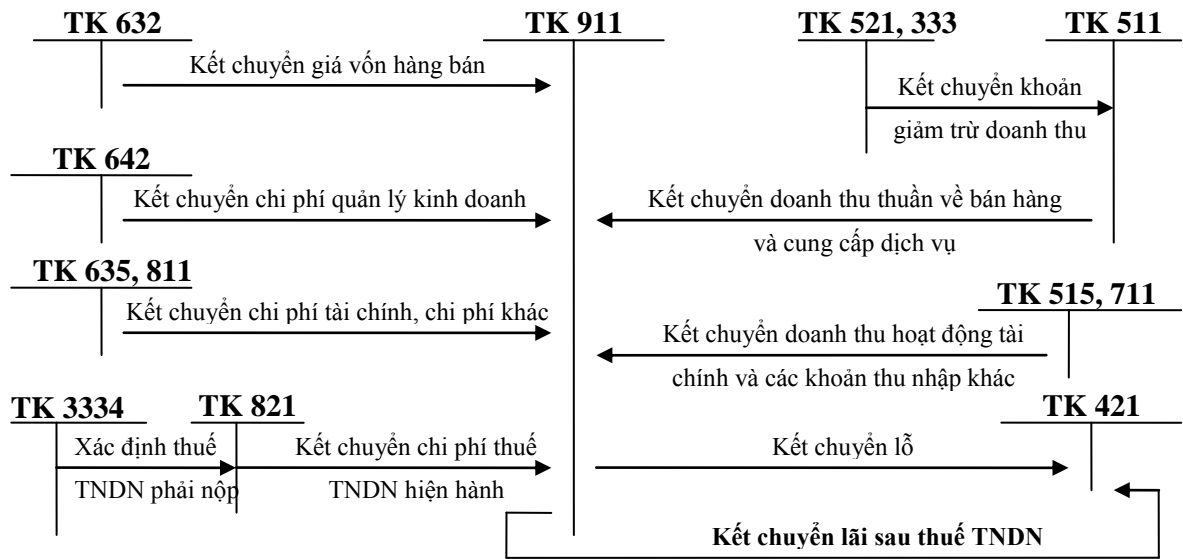
+ Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm vào **TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh**.

✓ Tài khoản 821 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.

1.2.6.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát thông qua sơ đồ 1.7

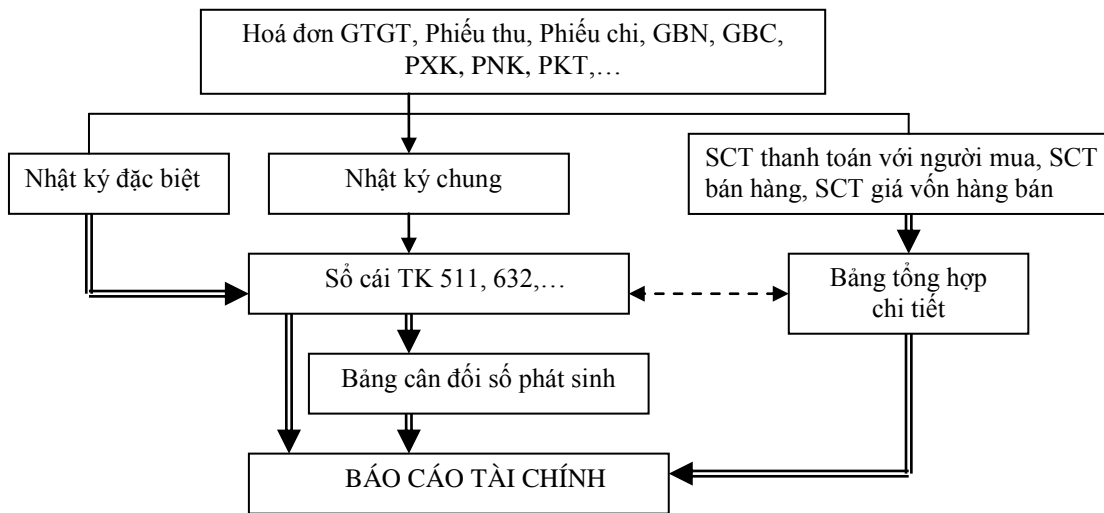
Sơ đồ 1.7: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Theo chế độ kế toán có 5 hình thức kế toán sau:

- **Hình thức kế toán Nhật ký chung:**



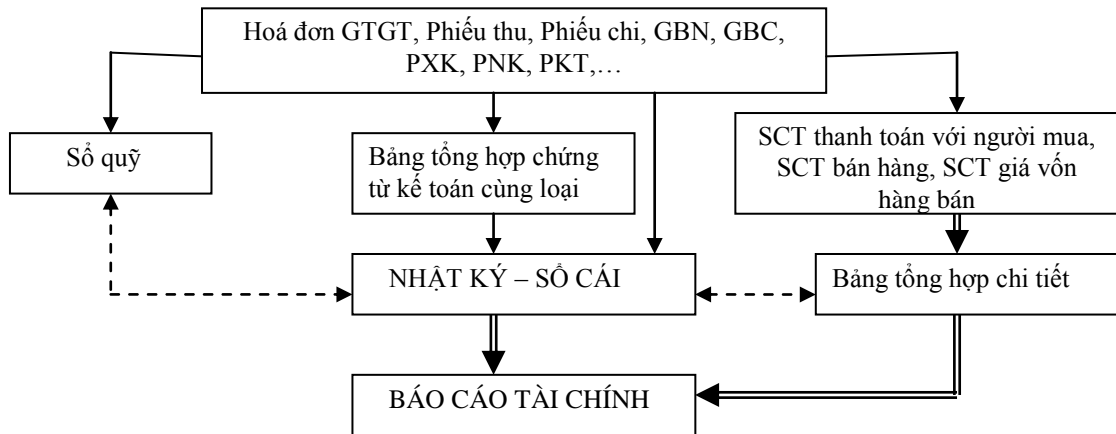
Ghi chú: —→ Ghi hàng ngày

==> Ghi cuối tháng

<---> Đối chiếu

Đặc điểm: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

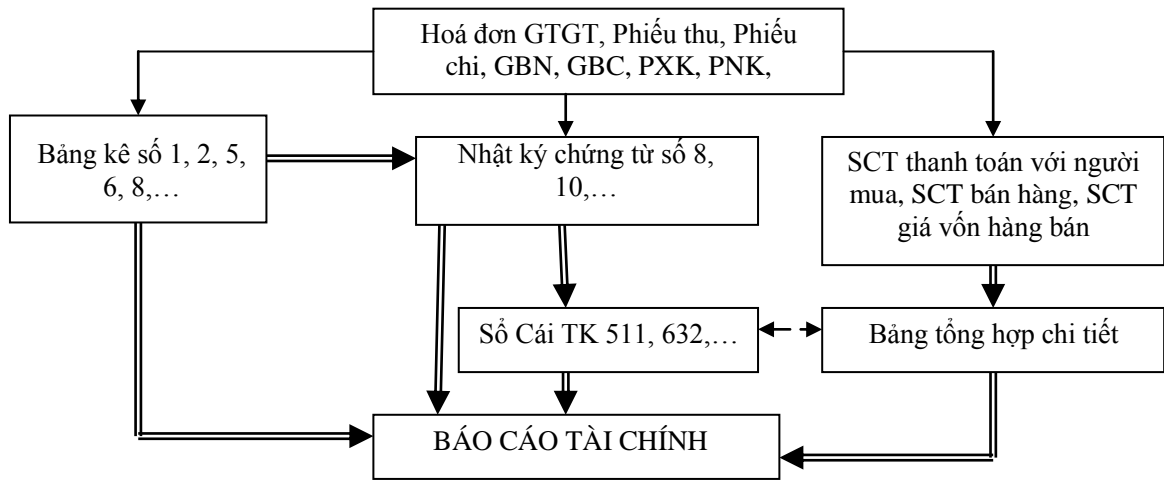
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái



- Ghi chú:** \longrightarrow Ghi hàng ngày
 \Longrightarrow Ghi cuối tháng
 \longleftrightarrow Đối chiếu

Đặc điểm: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

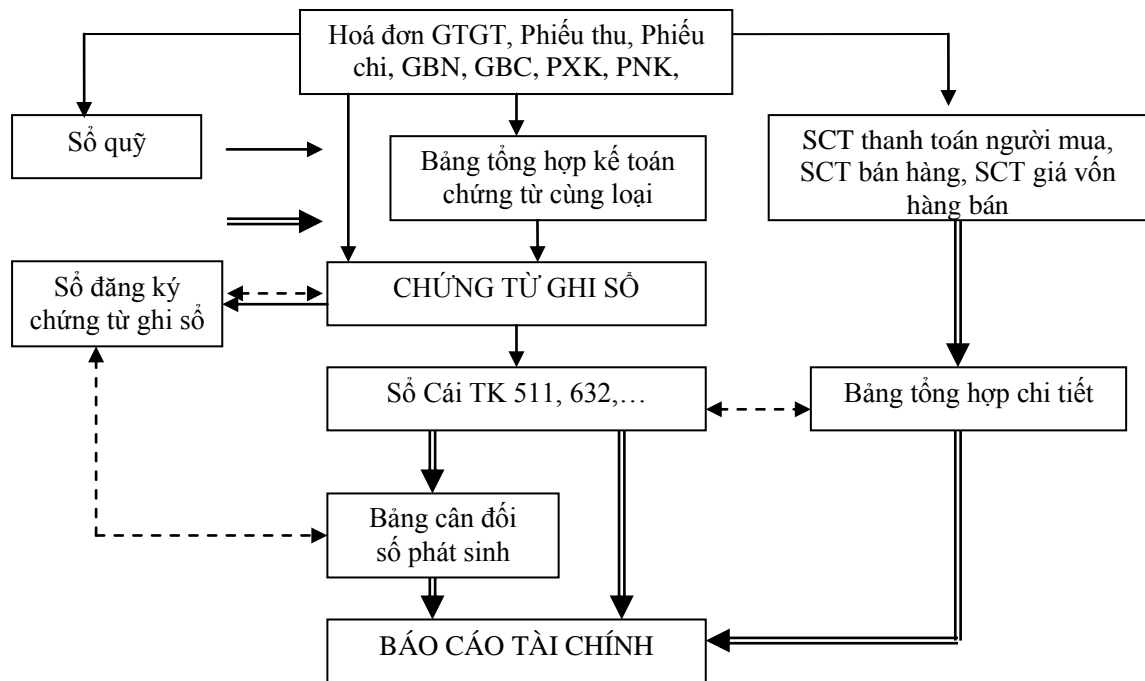
- Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ



Ghi chú: \longrightarrow Ghi hàng ngày
 \Longrightarrow Ghi cuối tháng
 \longleftrightarrow Đối chiếu

Đặc điểm: Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ. Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



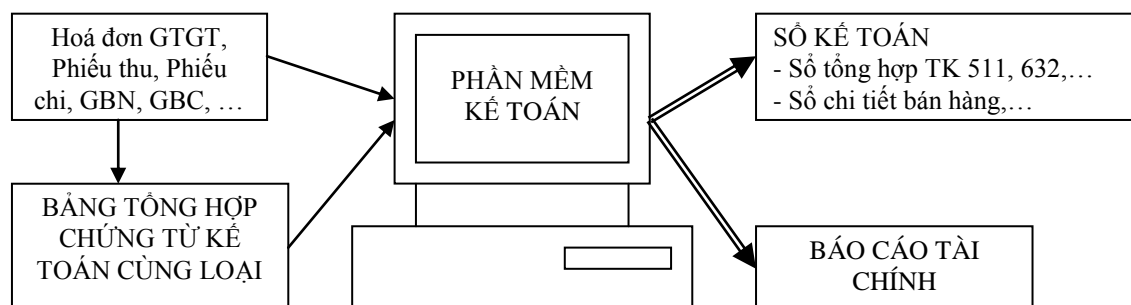
Ghi chú: Ghi hàng ngày
 Ghi cuối tháng
 Đối chiếu

Đặc điểm: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

- Hình thức kế toán trên máy tính



Ghi chú: \longrightarrow Ghi hàng ngày
 \Longrightarrow Ghi cuối tháng
 \longleftrightarrow Đối chiếu

Đặc điểm: Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định của Nhà nước.

CHƯƠNG II:

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SEIDENSTICKER VIỆT NAM

2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Seidensticker Việt Nam

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty

Công ty TNHH Seidensticker Việt Nam là một công ty với 100% vốn đầu tư trong nước. Công ty đăng ký thành lập ngày 23 tháng 04 năm 2007 theo QĐ số 041043000014 của UBND tỉnh Hải Dương.

Thông tin về Công ty:

- Tên công ty: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SEIDENSTICKER VIỆT NAM**
- Tên bằng tiếng nước ngoài: **SEIDENSTICKER VIET NAM LIMITED**
- Tên viết tắt: **SEIDENTICKER VIET NAM LTD**
- Điện thoại: (84 0320)3922.560 Fax:(84 0320)3922.559
- Địa chỉ trụ sở chính: Phường Văn An – Chí Linh – Hải Dương
- Mã số thuế: 0800379281
- Vốn điều lệ: 2.500.000.000 VND

Công ty là một tổ chức kinh tế hạch toán kinh tế độc lập, có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền Việt Nam và ngoại tệ tại ngân hàng theo quy định của Pháp luật.

Từ khi thành lập cho đến nay Công ty đã có những bước chuyển mình đột phá từ đó tạo cho Công ty một vị thế vững chắc và là bạn hàng tin cậy của nhiều công ty khác.

2.1.2. Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty

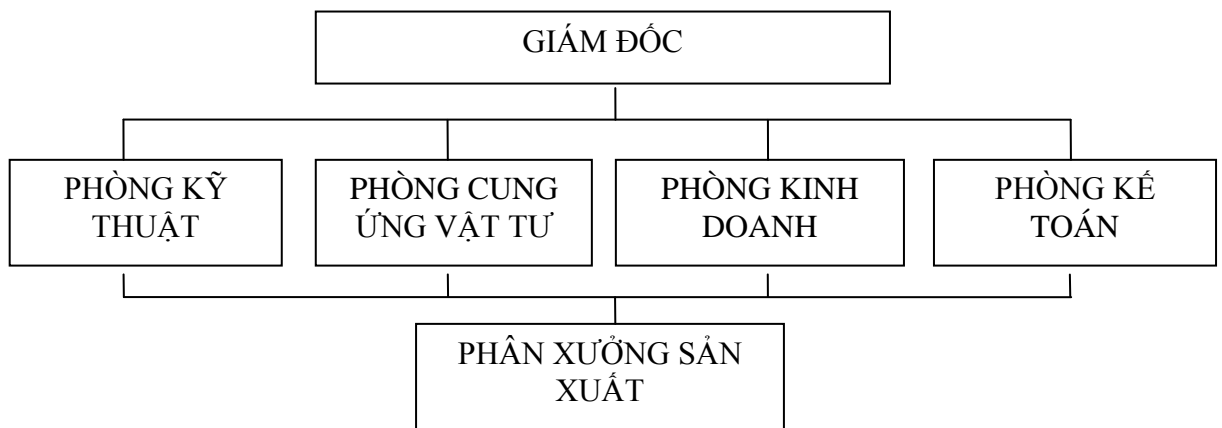
Công ty TNHH Seidensticker Việt Nam là đơn vị sản xuất kinh doanh có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập

Công ty luôn coi trọng chất lượng sản phẩm, dịch vụ là nền tảng cho sự lớn mạnh của công ty, để làm được điều đó ban lãnh đạo công ty đã luôn quan tâm và chú trọng đầu tư các trang thiết bị và công nghệ hiện đại để nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm. Chính vì vậy mà sản phẩm của

công ty luôn đa dạng ,đảm bảo về chất lượng,mẫu mã, chủng loại, tạo uy tín niềm tin từ những khách hàng khó tính nhất.

Công ty chuyên nhận gia công và sản xuất các mặt hàng may mặc như: áo sơ mi nam, nữ.

2.1.3. Tổ chức bộ máy của Công ty TNHH Seidensticker Việt Nam



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức

❖ Chức năng từng phòng ban:

Như sơ đồ trên, ta thấy cơ cấu tổ chức của Công ty như là một hệ thống được liên kết một cách chặt chẽ. Đứng đầu Công ty là Giám đốc, dưới là Giám đốc là các phòng ban. Nhìn chung công ty được tổ chức theo mô hình kinh doanh rộng.

Theo mô hình quản lý trên thì các vấn đề phát sinh trong các bộ phận chức năng sẽ do cán bộ phụ trách chức năng quản lý. Đối với những vấn đề chung của Công ty sẽ do Giám đốc chịu trách nhiệm, Giám đốc sẽ là người đưa ra phương hướng giải quyết cuối cùng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

- **Giám đốc:** Giám đốc là người đứng đầu Công ty, chịu trách nhiệm trước toàn bộ thành viên về hoạt động kinh doanh của Công ty. Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước pháp luật và Công ty về kế hoạch, mục tiêu, chiến lược sản xuất kinh doanh và điều hành, kiểm tra các hoạt động của Công ty.

- **Phòng kinh doanh:** có trách nhiệm theo dõi mọi hoạt động kinh doanh của công ty, tiến hành lập kế hoạch kinh doanh, đồng thời tư vấn cho giám đốc về phương hướng tổ chức kinh doanh của công ty trong từng thời kỳ.

- **Phòng kế toán:** Tham mưu cho giám đốc về các lĩnh vực tài chính kế toán của Công ty, tổ chức quản lý các nguồn vốn, hạch toán kế toán đúng chế độ, đảm bảo vốn để đơn vị hoạt động liên tục và có hiệu quả. Chỉ đạo công tác kế toán toàn doanh nghiệp

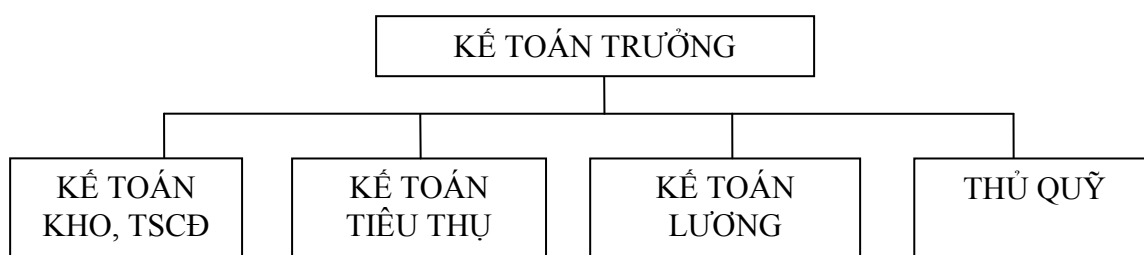
- **Phòng kỹ thuật :** đảm nhận vai trò và trách nhiệm về kỹ thuật và chất lượng của các thành phẩm, hàng hóa. Nghiên cứu từng bước hoàn thiện, nâng cao chất lượng sản phẩm.

- **Phòng cung ứng vật tư :** có trách nhiệm tìm nhà cung ứng vật tư đảm bảo yêu cầu về chất lượng, số lượng, thời hạn và với mức giá thấp nhất.

- **Phân xưởng sản xuất :** có nhiệm vụ hoàn thành kế hoạch sản xuất của công ty và vẫn phải đảm bảo yêu cầu về tiến độ, cũng như chất lượng thành phẩm.

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Seidensticker

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty

➤ **Kế toán trưởng:**

- Kế toán trưởng là người giúp giám đốc tổ chức chỉ đạo toàn bộ công tác hạch toán kế toán, nắm bắt thông tin kinh tế tài chính doanh nghiệp. Quản lý phân công cụ thể chức năng nhiệm vụ cho từng cán bộ nhân viên.

➤ **Kế toán tiền lương:**

Là nhiệm vụ tính tiền lương bao gồm lương chính, lương phụ và các khoản trích, phụ cấp mang tính chất lương cho cán bộ công nhân viên trong công ty theo những quy định chung.

➤ **Kế toán tiêu thu:**

Kế toán toàn bộ hoạt động mua hàng và bán hàng. Theo dõi công nợ phải thu khách hàng và phải trả người bán. Các khoản hoa hồng, khuyến mãi, các khoản giảm trừ doanh thu, theo dõi thuế đầu ra và đầu vào.

➤ **Kế toán kho kiêm kế toán TSCĐ:**

Theo dõi quá trình N-X-T kho vật tư, nguyên vật liệu, hàng hóa, thành phẩm. Theo dõi các HĐ, chứng từ liên quan đến mua bán, kiểm kê, tính và trích khấu hao TSCĐ. Và tổng hợp tài liệu để phục vụ tính chi phí và giá thành sản phẩm.

➤ **Thủ quỹ:**

Có nhiệm vụ cất giữ tiền mặt tại Công ty, các khoản thu chi, hoạt động liên quan đến tiền. Cuối ngày báo cáo tồn quỹ với Kế toán trưởng và đối chiếu thu chi tồn quỹ với Kế toán trưởng.

2.1.4.2. Các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

- Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: VND
- Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

- Hình thức kế toán áp dụng: **Nhật ký chung**
- Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho: theo phương pháp FIFO
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

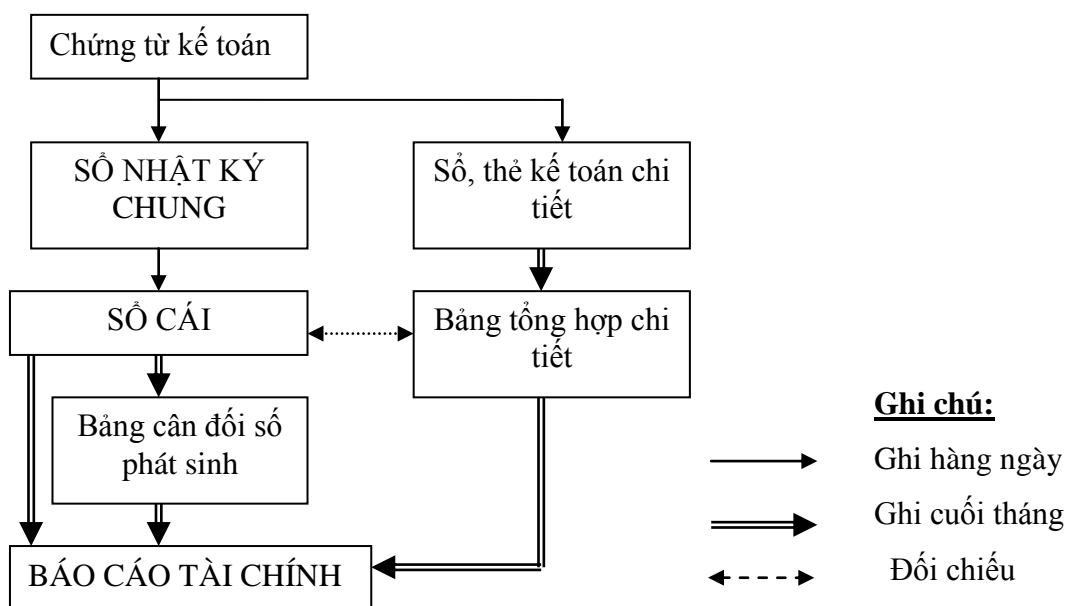
- Phương pháp tính thuế GTGT: áp dụng theo phương pháp khấu trừ

2.1.4.3. Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán

Công ty tổ chức và vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

2.1.4.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung”. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung của công ty được khái quát qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán

2.1.4.5. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính

Hệ thống báo cáo tài chính của công ty áp dụng theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính gồm:

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu B01-DNN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu B02-DNN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu B03-DNN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu B09-DNN)

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Seidensticker.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

2.2.1.1. Nội dung doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty

Công ty là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực may mặc. Vì vậy, doanh thu của Công ty là doanh thu dịch vụ gia công theo đơn đặt hàng và doanh thu bán hàng.

2.2.1.2. Chứng từ sử dụng

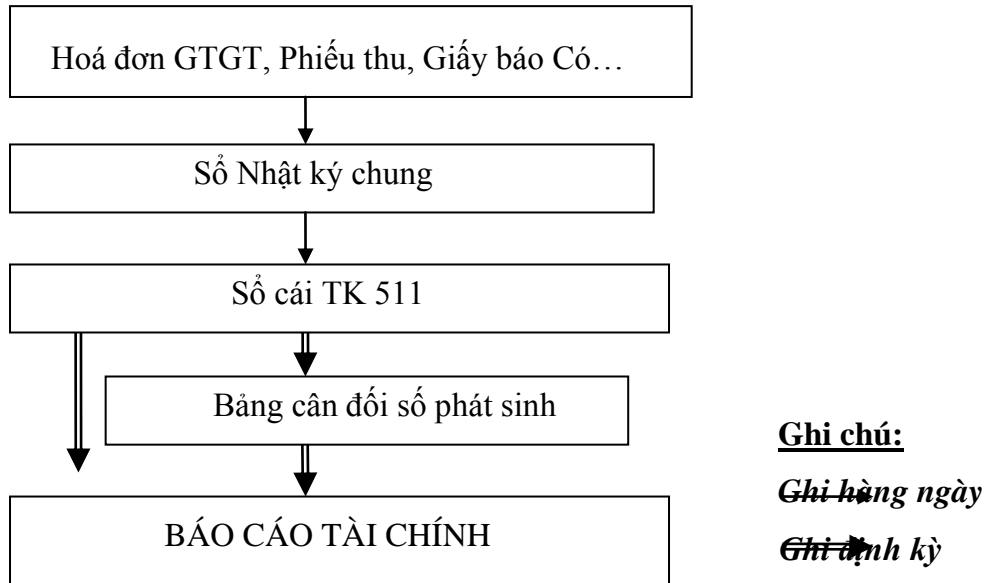
- Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu, Phiếu chi
- Giấy báo Nợ, giấy báo Có của Ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.1.3. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Các tài khoản khác có liên quan: 111, 112, 131,...

2.2.1.4. Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại Công ty được khái quát qua sơ đồ 2.4:



Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại Công ty

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ như Hoá đơn GTGT, Phiếu thu, Giấy báo Có,... kế toán ghi chép các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến bán hàng vào Sổ Nhật ký chung, từ Sổ Nhật ký chung vào Sổ cái TK 511 và các tài khoản liên quan.

Cuối tháng, số liệu trên Sổ cái được dùng để lập Bảng cân đối phát sinh.

2.2.1.5. Ví dụ minh họa

VD 1.1: Ngày 03/02/2012 Công ty nhận gia công đơn hàng cho Công ty CP Phân Phối Hà Anh, số tiền 85.500.000đ (chưa bao gồm VAT 10%).

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên và hợp đồng nhận gia công đơn hàng (biểu số 2.1), kế toán viết Hoá đơn GTGT ký hiệu AA/12P số 0000021 (Biểu số 2.2). Kế toán vào Sổ nhật chung (Biểu số 2.4) và Sổ cái TK 511 (Biểu số 2.5).

VD1.2: Ngày 27/03/2012 Đại lý Hoàng Hải thông báo đã bán hết số hàng mà doanh nghiệp gửi bán ngày 01/03/2012 và thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. Công ty ghi nhận doanh thu với tổng giá thanh toán là 37.500.000 (chưa bao gồm VAT 10%), giá vốn là 25.500.000.

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên kế toán viết hóa đơn GTGT ký hiệu AA/12P số 0000023 (biểu số 2.3). Kế toán vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.4) và sổ cái TK511 (biểu số 2.5)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG GIA CÔNG ĐẶT HÀNG

Số: 0000016/HĐGC

- Căn cứ Pháp lệnh HĐKT ngày 25-9-1989 của Hội đồng Nhà nước.
- Căn cứ Nghị định số 17 ngày 16-1-1990 của Hội đồng bộ trưởng quy định chi tiết việc thi hành Pháp lệnh HĐKT.

Hôm nay, ngày 03 tháng 02 năm 2012

Tại Công Ty TNHH Seidensticker Việt Nam

Chúng tôi gồm có:

Bên A (Bên đặt hàng):

- Tên doanh nghiệp (hoặc cơ quan): Công Ty Cổ Phần Phân Phối Hà Anh
- Địa chỉ: Số 58A – Hoàng Mai – Hà Nội
- Điện thoại: 043.720682
- Tài khoản số: 54190510372 Mở tại ngân hàng: Vietcombank Chi nhánh Hà Nội
- Đại diện là Ông (bà): Lê Nguyễn Hoàng Anh Chức vụ: giám đốc

Bên B (Bên sản xuất gia công):

- Tên doanh nghiệp (hoặc cơ quan): Công Ty TNHH Seidensticker Việt Nam
- Địa chỉ: Văn An – Chí Linh – Hải Dương
- Điện thoại: 0320.3922559
- Tài khoản số: 0341001649515 Mở tại ngân hàng: Vietcombank chi nhánh Hải Dương
- Đại diện là Bà: Nguyễn Thị Kim Cúc Chức vụ: giám đốc

Hai bên thống nhất thỏa thuận lập hợp đồng với nội dung như sau:

Điều 1: Đối tượng hợp đồng:

1. Tên sản phẩm hàng hóa cần sản xuất: áo sơ mi nam KTX770, AMF.MS245
2. Quy cách phẩm chất: Bản chi tiết về mẫu mã sẽ do bên A gửi sang và bên B có trách nhiệm thực hiện đúng như theo mẫu đã quy định.

Điều 2: Nguyên vật liệu chính và phụ:

1. Bên A có trách nhiệm cung ứng nguyên vật liệu chính gồm:

a- Tên từng loại:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Nguyên Liệu	Đơn vị tính	Số Lượng
Vải dệt thoi polyester	m	2.400
Mex	m	240
Cúc đính các loại	chiếc	6.400
Nhãn vải, giấy	chiếc	2.400
Chỉ các loại	cuộn	80

b- Thời gian giao: 3 ngày sau khi ký kết hợp đồng. Tại địa điểm: kho nguyên phụ liệu của công ty TNHH Seidensticker.

c- Trách nhiệm bảo quản: bên B chịu mọi trách nhiệm về số lượng, chất lượng các nguyên liệu do bên A cung ứng và phải sử dụng đúng loại nguyên liệu đã giao vào sản xuất sản phẩm.

2. Bên B có trách nhiệm cung ứng các phụ liệu để sản xuất:

a- Tên từng loại:

Nguyên liệu	Đvt	Số Lượng	Đơn giá(VNĐ)	Thành tiền
Cá cổ	chiếc	1.600	2.200	3.520.000
Ghim nẹp	chiếc	6.400	220	1.408.000
Túi PE	chiếc	800	440	352.000
Băng dính	cuộn	10	11.000	110.000
Hộp carton	chiếc	20	2.200	44.000

b- Bên A cung ứng tiền trước để mua phụ liệu trên với chi phí là: 6.000.000

Điều 3: Thời gian sản xuất và giao sản phẩm:

1. Bên B bắt đầu sản xuất từ ngày 07 tháng 02 năm 2012

Trong quá trình sản xuất bên A có quyền kiểm tra và yêu cầu bên B sản xuất theo đúng mẫu sản phẩm đã thỏa thuận bắt đầu từ ngày đưa nguyên liệu vào sản xuất (nếu cần).

2. Thời gian giao nhận thành phẩm:

Ngày 17 tháng 3 năm 2012. Địa điểm: Công ty cổ phần phân phối Hà Anh

Nếu bên A không nhận đúng thời gian sẽ bị phạt lưu kho là: 17.000.000VNĐ

Nếu bên B không giao hàng đúng thời gian, địa điểm sẽ phải bồi thường hoàn toàn giá trị hợp đồng

Điều 4: Thanh toán:

Thỏa thuận thanh toán toàn bộ sau khi nhận hàng.

Thanh toán : chuyển khoản

Điều 5: Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng:

1. Vi phạm về chất lượng: bắt buộc bên B phải sửa lại theo đúng yêu cầu của bên A
2. Vi phạm số lượng: nguyên vật liệu hư hỏng phải bồi thường nguyên liệu theo giá hiện thời.
3. Ký hợp đồng mà không thực hiện: bị phạt tới 12% giá trị hợp đồng.
4. Vi phạm nghĩa vụ thanh toán: bồi thường theo tỷ lệ lãi suất ngân hàng

Điều 6: Thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng

1. Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề bất lợi phát sinh các bên kịp thời báo cho nhau biết và chủ động bàn bạc giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo hai bên cùng có lợi (có lập biên bản).
2. Trường hợp có vấn đề tranh chấp không tự thương lượng được, hai bên thống nhất chuyển vụ việc đến tòa án là cơ quan có đủ thẩm quyền giải quyết những vụ tranh chấp này.
3. Các chi phí về kiểm tra, xác minh và lệ phí trọng tài do bên có lỗi chịu.

Điều 7: Hiệu lực của hợp đồng:

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 03/02/2012 đến ngày 17/03/2012

Hai bên sẽ tổ chức họp và lập biên bản thanh lý hợp đồng sau đó ngày. Bên A có trách nhiệm tổ chức vào thời gian, địa điểm thích hợp.

Hợp đồng này được làm thành 02 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

BÊN A

Chức vụ:

(Ký tên, đóng dấu)

BÊN B

Chức vụ:

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.1 – Hợp đồng gia công đặt hàng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

HÓA ĐƠN			Mẫu số : 01 GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: AA/12P		
Liên 3: Nội bộ			Số: 0000021		
Ngày 17 tháng 03 năm 2012					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Seidensticker Việt Nam.....					
Địa chỉ: Phường Văn An – Chí Linh – Hải Dương					
Số Tài khoản: 0341001649515					
Điện thoại: 0320.3922559MST: 0800379281					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty CP Phân Phối Hà Anh					
Địa chỉ: Số 58A- Hoàng Mai- Hà Nội					
Số tài khoản: 54190510372 tại Ngân hàng Vietcombank chi nhánh HN					
Hình thức thanh toán: CKMS : 0200686280					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Gia công Áo sơ mi nam KTX770	Chiếc	450	120.000	54.000.000
2	Gia công áo sơ mi nam AMF .MS245	Chiếc	350	90.000	31.500.000
Cộng tiền hàng:					85.500.000
Thuế suất thuế GTGT: 10%					Tiền Thuế: 8.550.000
Tổng cộng tiền thanh toán					94.050.000
Số tiền viết bằng chữ: Chín mươi tư triệu không trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./.....					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>					

Biểu số 2.2 – Hoá đơn GTGT số 0000021

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

HÓA ĐƠN			Mẫu số : 01 GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: AA/12P		
Liên 3: Nội bộ			Số: 0000023		
Ngày 27 tháng 03 năm 2012					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Seidensticker Việt Nam.....					
Địa chỉ: Phường Văn An – Chí Linh – Hải Dương					
Số Tài khoản: 0341001649515					
Điện thoại: 0320.3922559MST: 0800379281					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Văn Thành.....					
Tên đơn vị: Đại Lý Hoàng Hải.....					
Địa chỉ: Hồng Thái – Đông Triều – Quảng Ninh.....					
Số tài khoản:0333764832723tại Ngân hàng Vietcombank chi nhánh QN.....					
Hình thức thanh toán: CKMST: 5700100721					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Ao sơ mi nam ATX520	Chiếc	150	250.000	37.500.000
Cộng tiền hàng:					37.500.000
Thuế suất thuế GTGT: 10%			Tiền Thuế: 3.750.000		
Tổng cộng tiền thanh toán					41.250.000
Số tiền viết bằng chữ: Bốn mươi một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>					

Biểu số 2.3 – Hoá đơn GTGT số 0000023

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH Seidensticker Việt Nam

Phường Văn An – Chí Linh – Hải Dương

Mẫu số: S03a-DNN

(Ban hành theo số : 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

ĐVT: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
05/03	PC82	05/03	Thanh toán tiền vận chuyên hàng cho cty Phúc Thịnh	6421 111	500.000	500.000
09/03	PC83	09/03	Chi tiền điện thoại T11/2012	6422 133 111	321.698 32.170	353.868
17/03	PX03.10	17/03	Giá vốn hàng gia công cho Cty CPPP Hà Anh	632 154	57.000.000	57.000.000
17/03	HD0000021	17/03	Doanh thu hàng gia công cho Cty CPPP Hà Anh	112 511 3331	94.050.000	85.500.000 8.550.000
27/03	BK10/03	27/03	Giá vốn hàng xuất gửi bán ở đại lý Hoàng Hải	632 157	25.500.000	25.500.000
27/03	HD0000023	27/03	Doanh thu hàng xuất gửi bán ở đại lý Hoàng Hải	112 511 3331	41.250.000	37.500.000 3.750.000
27/03	GBC27/03	27/03	Công ty Hải Hà thanh toán tiền hàng	112 131	37.305.554	37.305.554
			Tổng cộng		7.662.317.188	7.662.317.188

Biểu số 2.4 – Trích Sổ nhật ký chung

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH Seidensticker Việt Nam
Phường Văn An – Chí Linh – Hải Dương

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo số : 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu TK: 511

Năm 2012

DVT: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Phát sinh quý 1			
					
22/02	HĐ0000011	22/02	Gia công cho công ty Hưng Thịnh	112		41.139.295
23/02	HĐ0000012	23/02	Gia công cho công ty Tân Tiến	131		24.800.000
					
17/03	HĐ0000021	17/03	Gia công cho công ty Hà Anh	112		94.050.000
26/03	HĐ0000022	26/03	Gia công cho công ty Hưng Thịnh	112		264.604.830
27/03	HĐ0000023	27/03	Hàng gửi bán ở Đại lý Hoàng Hải	112		41.250.000
					
31/03	PKT30	31/03	Kết chuyển doanh thu quý 1	911	1.264.098.676	
			Cộng phát sinh quý 1		1.264.098.676	1.264.098.676

Biểu số 2.5 – Trích Sổ cái TK 511

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

2.2.2.1. Nội dung giá vốn hàng bán tại Công ty

Giá vốn hàng bán tại Công ty là trị giá của các vật liệu phụ, công cụ dụng cụ, nhân công và chi phí khác bằng tiền mua vào để gia công áo sơ mi nam, nữ theo đơn đặt hàng trong kì.

2.2.2.2. Chứng từ sử dụng

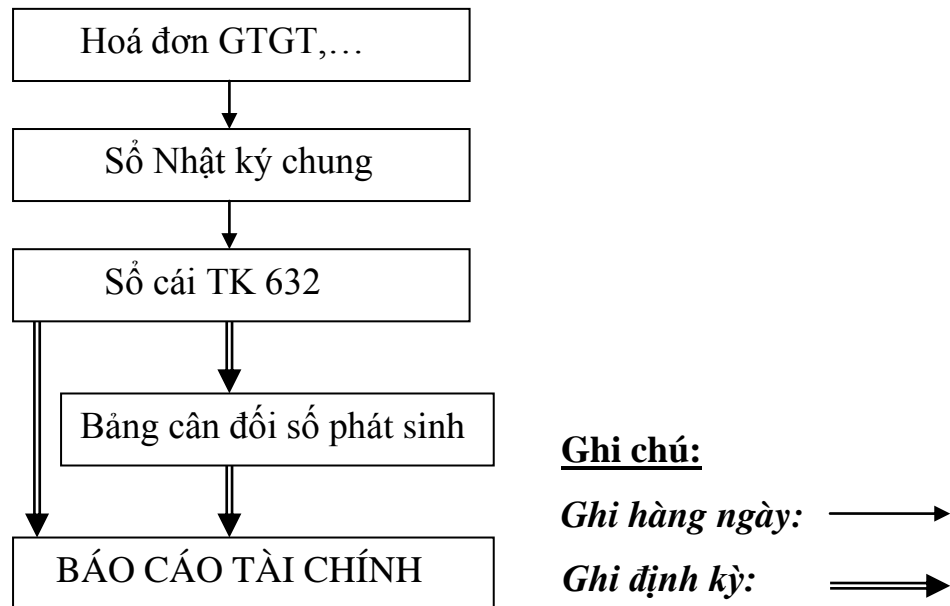
- Hoá đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu chi, Giấy báo Nợ,...

2.2.2.3. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán
- Tài khoản 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

2.2.2.4. Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty được khái quát qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty

Hàng ngày, căn cứ vào các Hoá đơn GTGT và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi chép bút toán giá vốn của nghiệp vụ bán hàng vào Sổ Nhật ký

chung. Từ Sổ Nhật ký chung kế toán ghi chép nghiệp vụ vào Sổ cái TK 632,... Cuối tháng, số liệu trên Sổ cái được dùng để lập Bảng cân đối phát sinh.

2.2.2.5. Ví dụ minh họa

VD 2.1: Lấy tiếp ở VD1.1 nhận gia công hàng cho công ty CPPP Hà Anh. Sau khi giao hàng ho đơn vị thuê gia công, kế toán của công ty đã hạch toán tổng chi phí giá vốn của lô hàng này là 57.000.000

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên, kế toán đã ghi vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.6) và sổ cái TK 632 (biểu số 2.7)

VD 2.2: Lấy tiếp VD1.2 hàng gửi Đại lý Hoàng Hải bán hộ, với giá vốn hàng bán là 25.500.000

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên kế toán cũng ghi vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.6) và sổ cái TK632 (biểu số 2.7)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH Seidensticker Việt Nam
 Phường Văn An – Chí Linh – Hải Dương

Mẫu số: S03a-DNN
 (Ban hành theo số : 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG
 Năm 2012

ĐVT: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
05/03	PC82	05/03	Thanh toán tiền vận chuyển hàng cho cty Phúc Thịnh	6421 111	500.000	500.000
09/03	PC83	09/03	Chi tiền điện thoại T11/2012	6422 133 111	321.698 32.170	353.868
17/03	PX03.10	17/03	Giá vốn hàng gia công cho Cty CPPP Hà Anh	632 154	57.000.000	57.000.000
17/03	HĐ0000021	17/03	Doanh thu hàng gia công cho CTCPPP Hà Anh	112 511 3331	94.050.000	85.500.000 8.550.000
27/03	BK10/03	27/03	Giá vốn hàng gửi bán ở đại lý Hoàng Hải	632 157	25.500.000	25.500.000
27/03	HĐ0000023	27/03	Doanh thu hàng gửi bán ở đại lý Hoàng Hải	112 511 3331	41.250.000	37.500.000 3.750.000
27/03	GBC27/03	27/03	Công ty Hải Hà thanh toán tiền hàng	112 131	37.305.554	37.305.554
			Tổng cộng		7.662.317.188	7.662.317.188

Biểu số 2.6 – Trích Sổ nhật ký chung

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH Seidensticker Việt Nam
Phường Văn An – Chí Linh – Hải Dương

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo số : 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Năm 2012

DVT: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Phát sinh trong quý 1			
					
17/03	PX03.10	17/03	Giá vốn hàng gia công cho Cty Hà Anh	154	57.000.000	
					
27/03	BK10/03	27/03	Giá vốn hàng gửi Đlý Hoàng Hải bán hộ	157	25.500.000	
					
31/03	PKT31	31/03	Kết chuyên giá vốn XD KQKD quý 1	911		803.772.483
			Cộng phát sinh trong quý 1		803.772.483	803.772.483

Biểu số 2.7 – Trích Sổ cái TK 632

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

2.2.3.1. Nội dung chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty

Chi phí quản lý kinh doanh của Công ty bao gồm các khoản chi phí quản lý chung, gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận QLDN; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ dùng cho QLDN; chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác,...

2.2.3.2. Chứng từ sử dụng

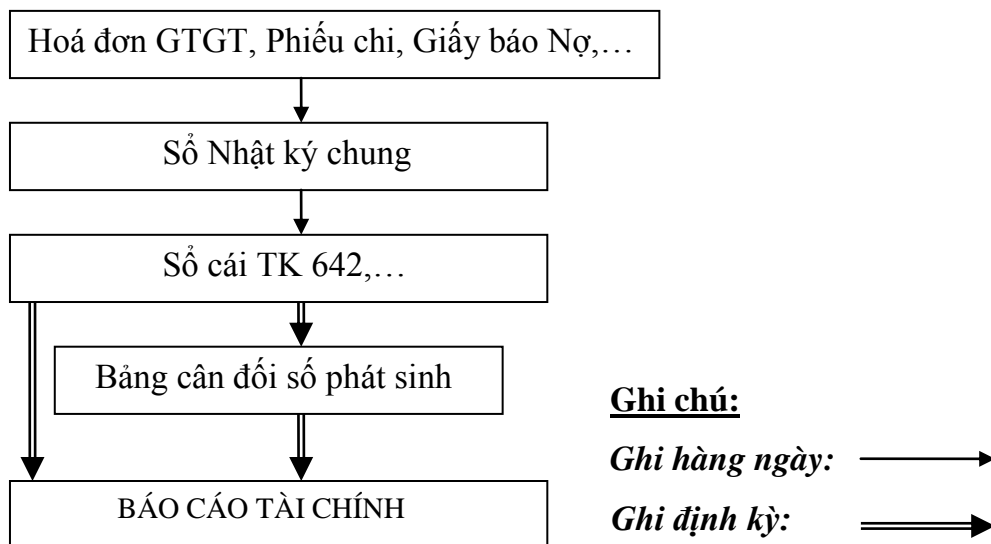
- Phiếu chi, Giấy báo Nợ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Hoá đơn GTGT...

2.2.3.3. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

2.2.3.4. Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty được khái quát qua sơ đồ:



Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh của Công ty

Hàng ngày, căn cứ vào Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội, Bảng tính và phân bổ khấu hao, Hoá đơn GTGT, ..., kế toán ghi chép các nghiệp vụ

liên quan đến Chi phí bán hàng và Chi phí QLDN vào Sổ Nhật ký chung. Từ Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK 642,...

Cuối tháng, số liệu trên các Sổ cái của các tài khoản trên được dùng để lập Bảng cân đối phát sinh.

2.2.3.5. Ví dụ minh họa

VD 3.1: Ngày 05/03/2012 Công ty thanh toán tiền thuê xe vận chuyển hàng cho công ty Phúc Thịnh với số tiền là 500.000, đã thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên, Kế toán lập Phiếu Chi số 82 (Biểu số 2.8), Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.12) và Sổ cái TK 642 (Biểu số 2.13)

VD 3.2: Ngày 09/03/2012 Công ty thanh toán tiền điện thoại tháng 02/2012 với số tiền là 353.868đ (bao gồm VAT 10%), đã thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên, kế toán từ Hoá đơn GTGT ký hiệu AB/12P số 1358764 (Biểu số 2.9) viết Phiếu chi 83 (Biểu số 2.10), Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.12) và Sổ cái TK 642 (Biểu số 2.13)

VD 3.3 : Ngày 10/03/2012 Kế toán tính lương phải trả , và các khoản trích theo lương cho nhân viên của bộ phận QLDN

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên kế toán tập hợp bảng tính và phân bổ tiền lương (biểu số 2.11) , Sổ nhật ký chung (biểu số 2.12), Sổ cái 642 (biểu số 2.13)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH Seidensticker Việt Nam

Phường Văn An – Chí Linh – Hải Dương

Mẫu số 02-TT

(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Quyển số

Số: 82

PHIẾU CHI

Ngày 05 tháng 03 năm 2012

Nợ: TK 6421

Có: TK 111

Họ và tên người nhận tiền: Mai Hồng Anh

Địa chỉ : Phòng Kế toán

Lý do chi : Chi tiền xe vận chuyển hàng

Số tiền : 500.000

Số tiền viết bằng chữ: Năm trăm nghìn đồng chẵn ./.

Kèm theo :

Đã nhận đủ số tiền:

Ngày 05 tháng 03 năm 2012

Giám đốc <i>(ký, họ tên)</i>	Kế toán trưởng <i>(ký, họ tên)</i>	Người nhận tiền <i>(ký, họ tên)</i>	Người lập biểu <i>(ký, họ tên)</i>	Thủ quỹ <i>(ký, họ tên)</i>
--	--	---	--	---------------------------------------

Biểu số 2.8 – Phiếu chi số 202

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

HOÁ ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)
Liên 2: Giao khách hàng (Customer copy)

Mẫu số: 01GTKT2/001
 Ký hiệu (Serial No): AB/12P
 Số (No): **1358764**

Mã số thuế: 0200287977

Viễn thông (Telecommunication): Hải Dương

Địa chỉ: Chí Linh – Hải Dương

Tên khách hàng (Customer's name): Công ty TNHH Seidensticker Việt Nam

Địa chỉ (Address): Văn An – Chí Linh – Hải Dương

Số điện thoại (Tel): 3922.560 Mã số (Code): HDG-05-379947(H_AHAI_31)

Hình thức thanh toán (Kind of Payment): TM/CK..... **MST:0800379281**

STT (NO.)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	ĐVT (UNIT)	SỐ LƯỢNG (QUANTITY)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VND
1	2	3	4	5	6=4X5
	Kỳ cước tháng: 02/2012				
	a. Bỏ sung cước tháng 01/2012 (từ ngày 21/01 đến ngày 31/01)				0
	b. Cước dịch vụ viễn thông tháng 02/2012				321.698
	c. Cước dịch vụ viễn thông không thuế:				0
	d. Chiết khấu + Đa dịch vụ				0
	e. Khuyến mại				0
	f. Trừ tiền đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ				0
(a + b + c + d) Cộng tiền dịch vụ (Total) (1):					321.698
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% x (1) =					Tiền thuế GTGT (VAT amount) (2):
(1 + 2 + f) Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (1 + 2):					353.868
Số tiền viết bằng chữ (In words): Ba trăm năm mươi ba nghìn tám trăm sáu mươi tám đồng					
Người nộp tiền <i>(Signature of payer)</i>				Ngày 09 tháng 03 năm 2012 Nhân viên giao dịch ký <i>(Signature of dealing staff)</i>	

Biểu số 2.9 – Hoá đơn GTGT số 13587

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH Seidensticker Việt Nam

Phường Văn An – Chí Linh – Hải Dương

Mẫu số 02-TT

(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Quyển số

Số: 83

PHIẾU CHI

Ngày 09 tháng 03 năm 2012

Nợ: TK 6422

Nợ: TK 133

Có: TK 111

Họ và tên người nhận tiền: Mai Hồng Anh

Địa chỉ : Phòng Kế toán

Lý do chi : Chi tiền điện thoại T11/2012

Số tiền : 353.868

Số tiền viết bằng chữ: Ba trăm năm mươi ba ngàn tám trăm sáu tám đồng chẵn

Kèm theo : 1 HDGTGT

Đã nhận đủ số tiền:

Ngày 09 tháng 03 năm 2012

Giám đốc
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Người nhận tiền
(ký, họ tên)

Người lập biểu
(ký, họ tên)

Thủ quỹ
(ký, họ tên)

Biểu số 2.10 – Phiếu chi số 203

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH Seidensticker Việt Nam
 Phường Văn An – Chí Linh – Hải Dương

Mẫu số:02 - LĐTL
(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TÍNH & PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG
Tháng 03 năm 2012

STT	Họ tên	Chức danh	Số công	Lương cơ bản	Các khoản thu nhập khác		Lương thực tế	Các khoản phải nộp theo quy định				Còn lĩnh
					Phụ cấp	Tiền ăn trưa		BHXH	BHYT	BHTN	KPCĐ	
								6%	1,5%	1%	1%	
1	Vũ Văn Quảng	TP	26	3.000.000	2.100.000	400.000	5.500.000	330.000	82.500	55.000	55.000	4.977.500
2	Đào Thị Vân	TP	25	3.000.000	2.100.000	400.000	5.500.000	330.000	82.500	55.000	55.000	4.977.500
3	Cao Khắc Diễn	NV	26	2.000.000	2.100.000	400.000	4.500.000	270.000	67.500	45.000	45.000	4.072.500
4	Phạm Thị Loan	NV	26	2.000.000	2.100.000	400.000	4.500.000	270.000	67.500	45.000	45.000	4.072.500
5	Lê Thị Hoa	NV	26	2.000.000	2.100.000	400.000	4.500.000	270.000	67.500	45.000	45.000	4.072.500
6	Trần Văn Đạt	NV	26	2.000.000	2.100.000	400.000	4.500.000	270.000	67.500	45.000	45.000	4.072.500
7	Cao Trung Hiếu	NV	26	2.000.000	2.100.000	400.000	4.500.000	270.000	67.500	45.000	45.000	4.072.500
8	Đỗ Mạnh Hùng	NV	25	2.000.000	2.100.000	400.000	4.500.000	270.000	67.500	45.000	45.000	4.072.500
											
	Cộng		360	26.000.000	23.100.000	4.400.000	56.000.000	3.360.000	840.000	560.000	560.000	50.680.000

Biểu số 2.11 – Bảng tính và phân bổ tiền lương

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH Seidensticker Việt Nam
Phường Văn An – Chí Linh – Hải Dương

Mẫu số: S03a-DNN
(Ban hành theo số : 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG Năm 2012

ĐVT: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
01/03	PT78	01/03	Rút TGNH nhập quỹ	111 112	50.000.000	50.000.000
05/03	PC82	05/03	Thanh toán tiền vận chuyển hàng cho Công ty Phúc Thịnh	6421 111	500.000	500.000
09/03	PC83	09/03	Chi tiền điện thoại T02/2012	6422 133 111	321.698 32.170	353.868
10/03	HD0016271	10/03	Mua NL phụ để gia công của cửa hàng Trang Anh	154 331	5.280.000	5.280.000
10/03	BL03	10/03	Tính lương phải trả cho bộ phận QLDN	6421 6422 334	13.500.000 42.500.000	56.000.000
10/03	BL03	10/03	Các khoản trích theo lương của bộ phận QLDN	6421 6422 334 338	3.105.000 9.775.000 5.320.000	18.200.000
					
			Tổng cộng		7.662.317.188	7.662.317.188

Biểu số 2.12 – Trích Sổ nhật ký chung

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH Seidensticker Việt Nam
Phường Văn An – Chí Linh – Hải Dương

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

Năm 2012

DVT: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Phát sinh trong quý 1			
					
05/03	PC82	05/03	Trả tiền thuê xe chở hàng	111	500.000	
09/03	PC83	09/03	Trả tiền điện thoại T02/2012	111	321.698	
10/03	BL03	10/03	Tính lương phải trả cho bộ phận QLDN	334	56.000.000	
10/03	BL03	10/03	Các khoản trích theo lương	338	12.880.000	
18/03	PC88	18/03	Trả tiền cước internet T02/2012	111	396.364	
					
31/03	PKT31	31/03	Kết chuyển chi phí QLKD quý 1	911		201.447.349
			Cộng phát sinh trong quý 1		201.447.349	201.447.349

Biểu số 2.13 – Trích Sổ cái TK 642

2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

2.2.4.1. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

Tại Công ty TNHH Seidensticker, doanh thu hoạt động tài chính gồm có lãi tiền gửi ngân hàng, lợi nhuận được chia,...

Trong năm 2012, Công ty không phát sinh các khoản chi phí tài chính.

2.2.4.2. Chứng từ sử dụng

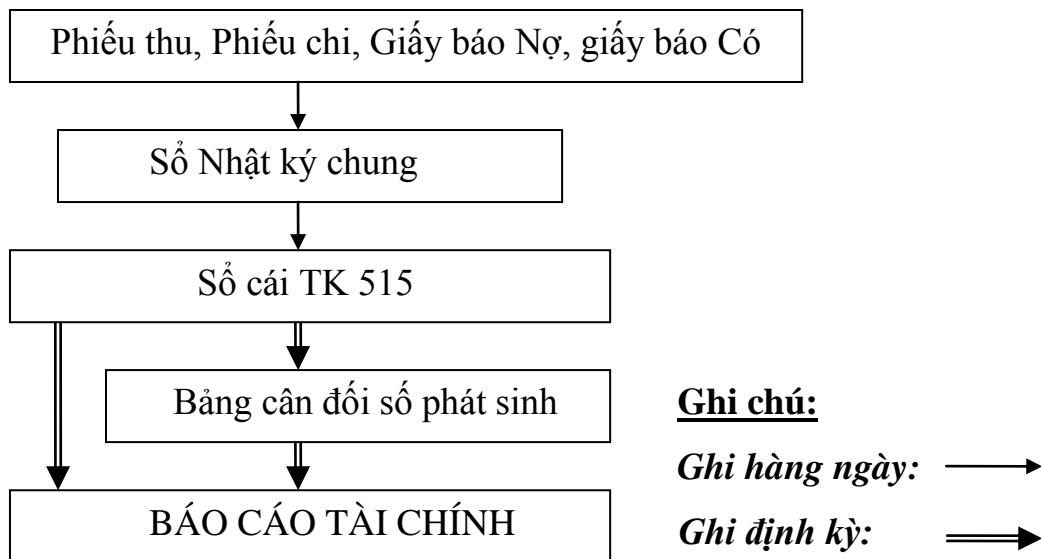
- Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo Nợ, giấy báo Có
- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.4.3. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

2.2.4.4. Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty TNHH Seidensticker được khái quát qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán doanh thu và chi phí tài chính tại Công ty TNHH Seidensticker.

Hàng ngày, căn cứ vào Phiếu thu, Phiếu chi, Giấy báo Nợ, Giấy báo Có,... kế toán ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến Doanh thu hoạt động tài chính và Chi phí tài chính vào Sổ Nhật ký chung, từ Sổ Nhật ký chung ghi vào

Sổ cái của các tài khoản liên quan. Cuối tháng, số liệu trên Sổ cái các tài khoản đó được phản ánh vào Bảng cân đối số phát sinh.

2.2.4.5. Ví dụ minh họa

VD 4: Ngày 31/03/2012, Ngân hàng TMCP Công Thương VN trả lãi tiền gửi tháng 03 năm 2012, số tiền 122.693đ.

Kế toán căn cứ vào Giấy báo Có của ngân hàng (Biểu số 2.14) để ghi Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.15) và Sổ cái TK 515 (Biểu số 2.16).

NGÂN HÀNG VIETCOM BANK

**Mã GDV:
Mã KH : 10366**

GIẤY BÁO CÓ

Ngày : 31/03/2012

Kính gửi : CTY TNHH SEIDENSTICKER VIỆT NAM

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi Có : 0341001649515

Số tiền bằng số: 122.693

Số tiền bằng chữ: Một trăm hai hai nghìn sáu trăm chín mươi ba đồng chẵn.

Nội dung : #Lãi nhập vốn#

GIAO DỊCH VIÊN
(Ký, họ tên)

KIỂM SOÁT
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.14: GIẤY BÁO CÓ của ngân hàng.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH Seidensticker Việt Nam

Phường Văn An – Chí Linh – Hải Dương

Mẫu số: S03a-DNN

(Ban hành theo số : 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

ĐVT: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
01/03	PT78	01/03	Rút TGNH nhập quỹ	111 112	50.000.000	50.000.000
05/03	PC82	05/03	Thanh toán tiền vận chuyển hàng cho công ty Phúc Thịnh	6421 111	500.000	500.000
09/03	PC83	09/03	Chi tiền điện thoại T02/2012	6422 133 111	321.698 32.170	353.868
10/03	PC84	10/03	Nộp tiền vào ngân hàng	112 111	20.000.000	20.000.000
27/03	PT80	27/03	Rút TGNH nhập quỹ	111 112	20.000.000	20.000.000
31/03	GBC3112	31/03	Lãi tiền gửi T03/2012	112 515	122.693	122.693
Tổng cộng					7.662.317.188	7.662.317.188

Biểu số 2.15 – Trích Sổ nhật ký chung

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH Seidensticker Việt Nam

Phường Văn An – Chí Linh – Hải Dương

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành theo số : 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Năm 2012

DVT: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Phát sinh trong quý 1			
29/02	GBC3011	29/02	NH trả lãi tiền gửi T02	112		121.934
31/03	GBC3112	31/03	NH trả lãi tiền gửi T03	112		122.693
31/03	PKT30	31/03	Kết chuyên doanh thu hđ t/c quý 1	911	1.218.511	
			Cộng phát sinh trong quý 1		1.218.511	1.218.511

Biểu số 2.16 – Trích Sổ cái TK 515

2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

Trong năm 2012, Công ty không phát sinh các nghiệp vụ kế toán liên quan đến thu nhập khác và chi phí khác.

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

2.2.6.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

2.2.6.2. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh
- Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

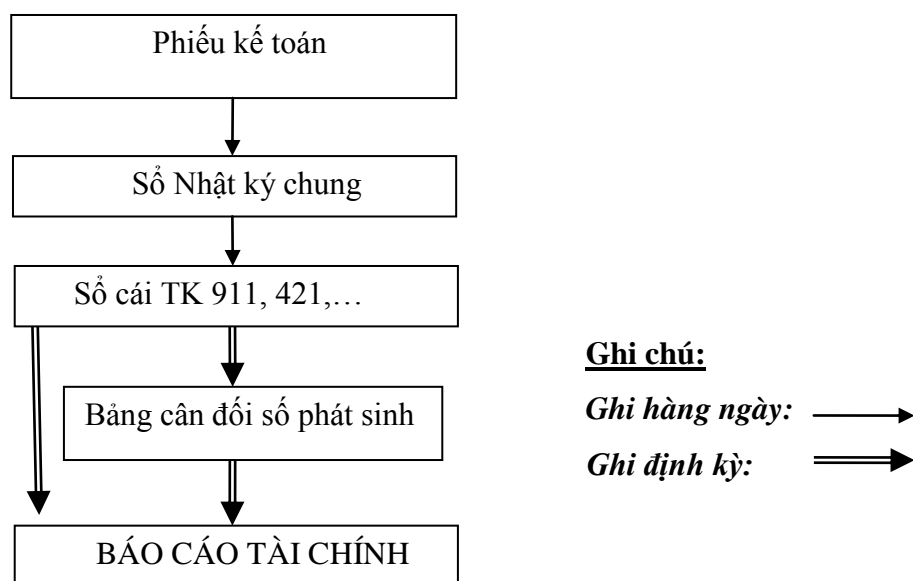
Chi tiết: + Tài khoản 4211 – Lợi nhuận chưa phân phối năm trước
+ Tài khoản 4212 – Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

2.2.6.3. Quy trình hạch toán

Cuối quý, kế toán lập các Phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Căn cứ vào các Phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Căn cứ vào các Phiếu kế toán, các nghiệp vụ trên được ghi vào Sổ Nhật ký chung, từ Sổ Nhật ký chung ghi vào Sổ cái của các tài khoản liên quan. Số liệu trên Sổ cái của các tài khoản trên được phản ánh vào Bảng cân đối phát sinh.



Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty

Ngày 31/03/2012, Công ty TNHH Seidensticker tiến hành kết chuyển doanh thu, chi phí sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh quý 1 năm 2012.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH Seidensticker Việt Nam

Phường Văn An – Chí Linh – Hải Dương

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Số: 30

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
K/c doanh thu bán hàng trong kỳ	511	911	1.264.098.676	
K/c doanh thu hẽ tài chính trong kỳ	515	911	1.218.511	
Cộng			1.265.317.187	

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Biểu 2.17 – Phiếu kế toán 30

Công ty TNHH Seidensticker Việt Nam

Phường Văn An – Chí Linh – Hải Dương

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Số: 31

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
K/c giá vốn hàng bán trong kỳ	911	632	803.772.483	
K/c chi phí quản lý KD trong kỳ	911	642	201.447.349	
Cộng			1.005.219.832	

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Biểu số 2.18 – Phiếu kế toán 31

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH Seidensticker Việt Nam

Phường Văn An – Chí Linh – Hải Dương

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Số: 32

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Xác định thuế TNDN trong kỳ	821	3334	45.517.307	
Cộng			45.517.307	

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu số 2.19 – Phiếu kế toán số 32

Công ty TNHH Seidensticker Việt Nam

Phường Văn An – Chí Linh – Hải Dương

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Số: 33

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
K/c chi phí thuế TNDN trong kỳ	911	821	45.517.307	
Cộng			45.517.307	

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu số 2.20 – Phiếu kế toán số 33

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH Seidensticker Việt Nam

Phường Văn An – Chí Linh – Hải Dương

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Số: 34

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
K/c LNST trong kỳ	911	421	214.073.016	
Cộng			214.580.318	

Người lập

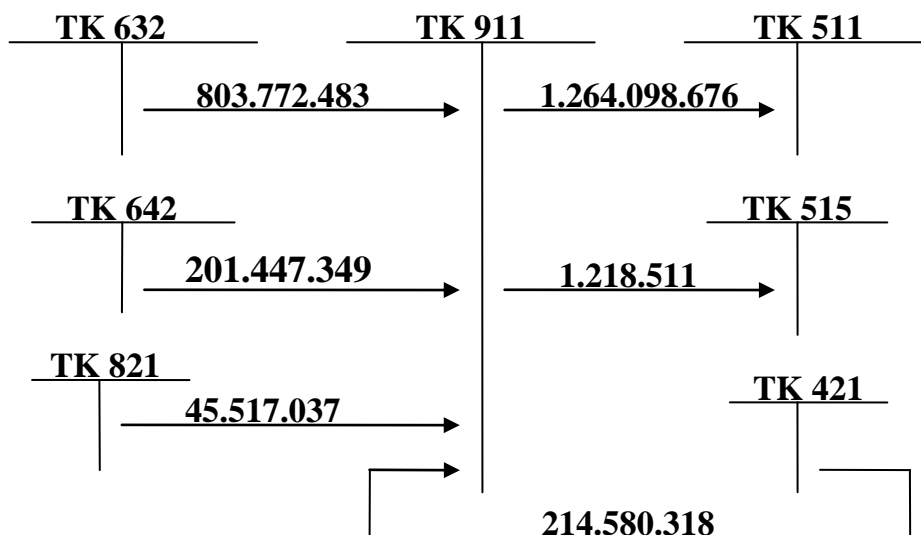
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu số 2.21 – Phiếu kế toán số 34

Các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí có thể được khái quát qua sơ đồ sau:



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH Seidensticker Việt Nam

Phường Văn An – Chí Linh – Hải Dương

Mẫu số: S03a-DNN

(Ban hành theo số : 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

ĐVT: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
					
01/03	PT78	01/03	Rút TGNH nhập quỹ	111 112	50.000.000	50.000.000
05/03	PC82	05/03	Thanh toán tiền vận chuyển hàng cho công ty Phúc Thịnh	111 111	500.000	500.000
					
31/03	PKT30	31/03	K/c doanh thu bán hàng K/c doanh thu hđ tài chính	511	1.264.098.676	1.265.317.187
				515		
				911		
31/03	PKT31	31/03	K/c giá vốn hàng bán K/c chi phí quản lý kinh doanh	911	1.005.219.832	803.772.483 201.447.349
				632		
				642		
31/03	PKT32	31/03	Xác định thuế TNDN	821 3334	45.517.307	45.517.307
31/03	PKT33	31/03	K/c thuế TNDN	911 821	45.517.307	45.517.307
31/03	PKT34	31/03	K/c lợi nhuận sau thuế TNDN	911 421	214.580.318	214.580.318
			Tổng cộng		7.662.317.188	7.662.317.188

Biểu số 2.22 – Trích Sổ nhật ký chung

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH Seidensticker Việt Nam

Phường Văn An – Chí Linh – Hải Dương

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành theo số : 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Số hiệu: 911

Năm 2012

DVT: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Phát sinh trong quý 1			
31/03	PKT30	31/03	K/c doanh thu bán hàng	511		1.264.098.676
			K/c doanh thu hđ tài chính	515		1.218.511
31/03	PKT31	31/03	K/c giá vốn hàng bán	632	803.772.483	
			K/c chi phí QLKD	642	201.447.349	
31/03	PKT33	31/03	K/c chi phí thuế TNDN	821	45.517.307	
31/03	PKT34	31/03	K/c lãi	421	214.580.318	
			Cộng phát sinh trong quý 1		1.265.317.187	1.265.317.187

Biểu số 2.23 – Trích Sổ cái TK 911

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH Seidensticker Việt Nam

Phường Văn An – Chí Linh – Hải Dương

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành theo số : 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu: 821

Năm 2012

DVT: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Phát sinh trong quý 1:			
31/03	PKT32	31/03	Xác định chi phí thuế TNDN Quý 1	3334	45.517.307	
31/03	PKT33	31/03	K/c chi phí thuế TNDN Quý 1	911		45.517.307
			Cộng phát sinh		45.517.307	45.517.307

Biểu số 2.24 – Trích Sổ cái TK 821

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH Seidensticker Việt Nam
Phường Văn An – Chí Linh – Hải Dương

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo số : 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Năm 2012

DVT: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu quý 1			424.211.856
			Số phát sinh			
31/03	PKT34	31/03	K/c lãi	911		214.580.318
			Cộng phát sinh		-	214.580.318
			Số dư cuối quý 1			638.792.174

Biểu số 2.25 – Trích Sổ cái TK 421

CHƯƠNG III:

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SEIDENSTICKER

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty

Công ty TNHH Seidensticker là một doanh nghiệp vừa và nhỏ nhưng cũng có chỗ đứng nhất định trên thị trường, có những chuyển biến tích cực trong hoạt động kinh doanh.

Với nền kinh tế thị trường đang có sự cạnh tranh gay gắt giữa các thành phần kinh tế, và lĩnh vực kinh tế khác nhau, nhiều công ty không đứng vững dẫn đến phá sản, giải thể. Do nhận thức được sự chuyển động của nền kinh tế và phân tích đúng đắn nhu cầu của thị trường, công ty đã có những phương hướng, những giải pháp kinh tế hiệu quả khắc phục những khó khăn và phát huy những thế mạnh mà công ty đang có để bắt kịp được với sự phát triển của nền kinh tế trong nước cũng như quốc tế.

Công ty đã đẩy mạnh tìm kiếm thị trường tiêu thụ, không ngừng nâng cao chất lượng kinh doanh, tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho cán bộ công nhân viên. Doanh thu hàng năm của công ty đã tăng lên rõ rệt. Công ty có thể tồn tại và phát triển được là do sự vươn lên không ngừng đổi mới của công ty mà trước hết là do sự năng động sáng tạo của ban giám đốc, của bộ máy tổ chức công ty và sự đoàn kết đồng lòng của cán bộ công nhân viên trong công ty.

Qua một thời gian thực tập và tìm hiểu về công ty, được tiếp xúc với thực tế công tác quản lý kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, cùng với sự giúp đỡ của công ty và nhân viên phòng kế toán đã tạo điều kiện cho em thực tập và làm quen với thực tế, củng cố thêm kiến thức đã học trong nhà trường. Qua đây em cũng xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhận xét và kiến nghị về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

3.1.1. Ưu điểm

Trong quá trình thực tập, em nhận thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Seidensticker có những ưu điểm như sau:

❖ **Về tổ chức bộ máy kế toán**

Việc tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung có nhiều ưu điểm. Các nhân viên kế toán luôn đảm bảo việc kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các phần hành, đồng thời nâng cao trình độ chuyên môn của các nhân viên kế toán. Kế toán trưởng đã kịp thời theo dõi chính xác tình hình biến động của hàng hoá, của giá cả hàng hoá và xu hướng hàng hoá trên thị trường, tính toán chính xác thu nhập và chi phí phát sinh của các hoạt động bán hàng cũng như hoạt động tài chính và các hoạt động khác. Với mô hình này, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty sẽ dễ thực hiện và theo dõi hơn. Đồng thời, ban lãnh đạo cũng nhanh chóng, dễ dàng nắm được tình hình hoạt động của toàn công ty, trên cơ sở đó có thể quản lý và đề ra các chiến lược sản xuất, kinh doanh phù hợp trong các kỳ tiếp theo. Các thành viên trong phòng kế toán đều có trình độ và năng lực cao, giàu kinh nghiệm, có trách nhiệm với công việc, nhiệt tình. Các thành viên đều được phân công công việc rõ ràng, cụ thể, phù hợp với chuyên môn của mỗi người, tạo điều kiện chuyên môn hoá công việc.

❖ **Về tổ chức, vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán**

Công ty tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006.

Về cơ bản, công ty đã tổ chức, vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán theo đúng quy định của Bộ tài chính. Mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh có đầy đủ chứng từ liên quan, đảm bảo cho công tác kế toán được thực hiện đúng đắn và việc kiểm tra, đối chiếu số liệu diễn ra dễ dàng, chính xác.

❖ **Về tổ chức hệ thống sổ kế toán**

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung để ghi sổ kế toán. Đây là hình thức kế toán khá đơn giản, dễ thực hiện, hệ thống sổ sách gọn nhẹ, thích hợp với mọi đơn vị hạch toán.

❖ **Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

Về công tác kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bán hàng đều được kế toán ghi nhận kịp thời, chính xác, đầy đủ. Giúp xác định kết quả kinh doanh một cách hợp lý, cung cấp thông tin chính xác.

Về công tác kế toán chi phí: Mọi chi phí phát sinh trong kỳ đều được công ty quản lý một cách chặt chẽ, đảm bảo tính hợp lý và cần thiết để tối đa hóa lợi nhuận.

Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh: về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu của Ban lãnh đạo Công ty. Các kế toán rất có trách nhiệm với công việc, kết quả kinh doanh luôn được họ tính toán một cách chính xác theo đúng chế độ kế toán của Bộ tài chính ban hành, qua đó phản ánh xác thực hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán tại công ty cũng khó tránh khỏi một số hạn chế. Sau đây là hạn chế của Công ty :

❖ Về hình thức kế toán

Công ty vẫn áp dụng kế toán thủ công dùng trên Excel nên đôi khi vẫn có những sai sót về số liệu. Vì vậy Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán, phần mềm sẽ giúp kế toán hạch toán chính xác hơn, đảm bảo tính chính xác và kịp thời.

❖ Về hệ thống sổ kế toán

Công ty nên mở sổ chi tiết cho 642 để theo dõi chi tiết và cụ thể hơn các khoản mục và yếu tố chi phí.

Kế toán nên mở sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán) và bảng tổng hợp thanh toán với người mua (người bán). Sẽ giúp kế toán dễ dàng theo dõi tình hình công nợ, hoạt động kinh doanh của khách hàng với công ty, nhà cung cấp. Hơn nữa ban lãnh đạo công ty dễ dàng nắm bắt được tình hình công nợ phải thu hoặc nợ phải trả để từ đó đề ra các chính sách, các giải pháp phù hợp, kịp thời.

❖ Về quy trình luân chuyển chứng từ và hạch toán kế toán

Về cơ bản, mọi chứng từ đều được luân chuyển giữa các phòng ban đúng trình tự. Tuy nhiên, giữa các phòng ban không có phiếu giao nhận chứng từ, vì thế khi xảy ra mất mát chứng từ thì không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Seidensticker.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thì thành bại của một doanh nghiệp là điều tất yếu. Do vậy, các doanh nghiệp rất cần các thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về tình hình lỗ lãi thực tế của doanh nghiệp. Từ đó, doanh nghiệp sẽ đưa ra các biện pháp để giải quyết, khắc phục các vấn đề nảy sinh trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp.

Hiện nay, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty chưa được hoàn thiện gây khó khăn cho công tác quản lý do thông tin về giá vốn,

chi phí giá thành chưa được đầy đủ, chi tiết, chính xác. Vì vậy, việc hoàn thiện tổ chức kế toán này sẽ giúp cung cấp số liệu chính xác, có độ tin cậy cao, đúng với chế độ chính sách hiện hành từ đó giúp kế toán lập báo cáo tài chính nói chung và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng một cách trung thực, hợp lý đồng thời giúp nhà quản trị nhận định được tình hình kinh doanh của công ty tốt hay xấu, có đạt được kết quả mong muốn hay không, tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước như thế nào và có đưa ra các biện pháp nhằm thúc đẩy việc tiêu thụ sản phẩm, tiết kiệm chi phí nhằm tăng lợi nhuận. Do vậy hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có một ý nghĩa rất quan trọng.

3.2.2. Điều kiện thực hiện các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty

- Công ty cần có đội ngũ nhân viên kế toán không những nắm vững các nghiệp vụ kinh tế, luật kinh tế, tài chính doanh nghiệp mà còn có sự hiểu biết về phân mềm kế toán trong phân tích, phản ánh, xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị và lập các báo cáo tài chính. Hơn nữa, nhân viên kế toán còn phải là người có trách nhiệm, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về mọi mặt của hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp, phục vụ kịp thời cho chỉ đạo quá trình kinh doanh.

3.2.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty

Trước những yêu cầu hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán của công ty cho phù hợp với chế độ của Nhà nước, phù hợp với trình độ chuyên môn của cán bộ kế toán công ty. Qua quá trình thực tập tại công ty, trên cơ sở tìm hiểu, nghiên cứu tình hình thực tế cũng như các vấn đề lý luận đã được học, em nhận

thấy trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty còn có những hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần hành kế toán này của công ty sẽ được hoàn thiện hơn. Em xin đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty như sau:

3.2.3.1. Hiện đại hoá công tác kế toán

Công ty nên áp dụng khoa học kĩ thuật vào công tác kế toán bằng việc sử dụng phần mềm kế toán. Hiện nay, có rất nhiều phần mềm kế toán như phần mềm kế toán MISA, BRAVO, phần mềm kế toán Việt Nam – KTVN, FAST, SASINNOVA,... Công ty nên chọn một phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm của công ty. Việc áp dụng phần mềm kế toán giúp kế toán đưa ra các báo cáo chính xác, nhanh chóng nhất phục vụ cho công tác quản trị của ban giám đốc. Giúp ban giám đốc có thể đưa ra các quyết định kinh doanh kịp thời tạo lợi thế cho doanh nghiệp trong kinh doanh. Tạo niềm tin vào các báo cáo tài chính mà công ty cung cấp cho các đối tượng. Sau đây em xin giới thiệu qua về các phần mềm kế toán khá phổ biến ở Việt Nam:

❖ Phần mềm kế toán MISASME.NET 2012



Giá của phần mềm MISA 2012: 9.950.000đ/bản

Ưu điểm:

- Giao diện thân thiện dễ sử dụng, cho phép cập nhật dữ liệu linh hoạt. Bám sát chế độ kế toán, các mẫu biểu chứng từ, sổ sách kế toán luôn tuân thủ chế độ kế toán. Hệ thống báo cáo đa dạng đáp ứng nhiều nhu cầu quản lý của đơn vị.

- Đặc biệt, phần mềm kế toán MISA cho phép tạo nhiều CSDL, nghĩa là mỗi đơn vị được thao tác trên một CSDL độc lập.

- Điểm đặc biệt nữa ở MISA mà chưa có phần mềm nào có được là thao tác Lưu và Ghi sổ dữ liệu.

- Tính chính xác: số liệu tính toán trong MISA rất chính xác, ít xảy ra các sai sót bất thường. Điều này giúp kế toán yên tâm hơn.

- Tính bảo mật: Vì MISA chạy trên công nghệ SQL nên khả năng bảo mật rất cao. Cho đến hiện nay thì các phần mềm chạy trên CSDL SQL; .NET;... hầu như giữa nguyên bản quyền (trong khi một số phần mềm viết trên CSDL Visual fox lại bị đánh cắp bản quyền rất dễ).

Nhược điểm:

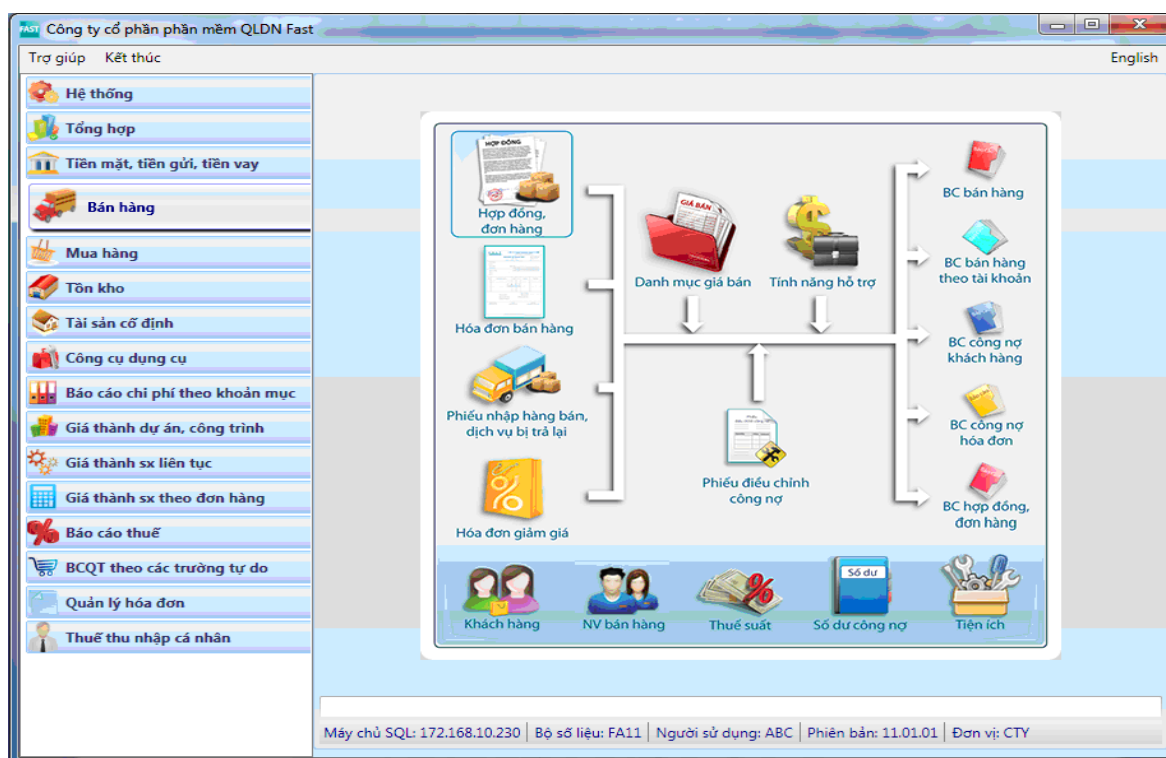
- Vì có SQL nên MISA đòi hỏi cấu hình máy tương đối cao, nếu máy yếu thì chương trình chạy rất chậm chạp.

- Tốc độ xử lý dữ liệu chậm, đặc biệt là khi cập nhật giá xuất hoặc bảo trì dữ liệu.

- Phân hệ tính giá thành chưa được nhà sản xuất chú ý phát triển.

- Các báo cáo khi kết xuất ra excel sắp xếp không theo thứ tự, điều này rất tốn công cho người dùng khi chỉnh sửa lại báo cáo.

❖ Phần mềm kế toán FAST



Giá của phần mềm FAST: 10.000.000đ/bản

Ưu điểm:

- Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Cũng giống như MISA, FAST có một hệ thống báo cáo đa dạng, người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình (báo cáo quản trị và báo cáo tài chính).

- Tốc độ xử lý nhanh.

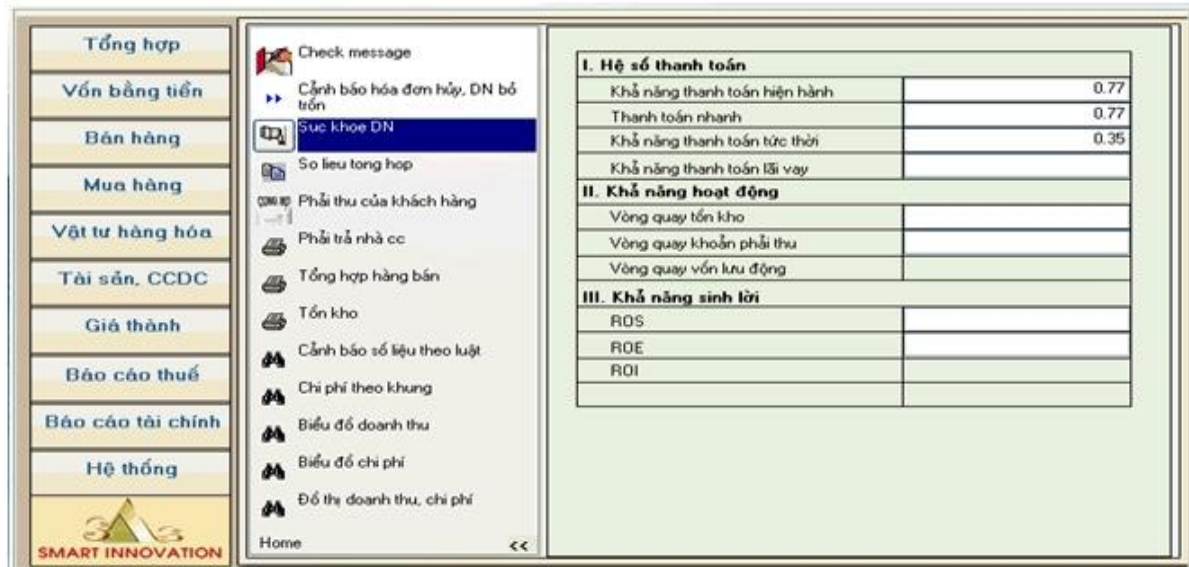
- Cho phép kết xuất ra excel với mẫu biểu sắp xếp đẹp.

Nhược điểm:

- Tính bảo mật chưa cao, trong khi thao tác thường xảy ra lỗi nhỏ (không đáng kể).

- Dung lượng lớn, người dùng khó phân biệt được data.

❖ **Phần mềm kế toán SASINNOVA 8.0**



Giá của phần mềm SASINNOVA 8.0: 10.000.000đ/bản

Ưu điểm:

- Có hệ thống cảnh báo phục vụ quản trị và điều hành, dễ dàng nâng cấp lên phần mềm kế toán chạy online.
- Khả năng sử dụng hai ngôn ngữ Anh – Việt song song.
- Độ bảo mật cao, ổn định khi chạy, tốc độ xử lý dữ liệu nhanh.
- Giải pháp thực hiện công việc kế toán, thuế; có khả năng cảnh báo sớm các sai sót nhằm giảm thiệt hại cho bản thân và doanh nghiệp.
- Phần mềm phát hiện những tín hiệu thành công sớm trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- Trợ giúp cho BGD, các Trưởng phòng và bản thân người sử dụng nắm được những cảnh báo quan trọng liên quan đến tiền, hàng và tình trạng các hoạt động bằng email, tin nhắn trong hệ thống nội bộ.
- Phát hiện sớm các doanh nghiệp bỏ trốn, hoá đơn đầu vào của doanh nghiệp bỏ trốn nhằm tránh những rủi ro không đáng có.

Nhược điểm:

- Vì có SQL nên đòi hỏi cấu hình máy tương đối cao, nếu máy yếu thì chương trình chạy rất chậm chạp.
- Các báo cáo khi kết xuất ra excel sắp xếp không theo thứ tự, điều này rất tốn công cho người dùng khi chỉnh sửa lại báo cáo.

Phổ biến nhất là phần mềm kế toán MISA. Đối với Công ty thì MISASME.NET 2012 là sản phẩm phù hợp. Sản phẩm này được phát triển trên nền tảng .NET hiện đại nhất của Microsoft, tích hợp hàng loạt những tính năng ưu việt nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu quản lý, kế toán của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Theo em, Công ty nên dùng phần mềm MISA 2012 vì phần mềm này có giá cả phải chăng, đầy đủ các phần hành kế toán phù hợp với các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3.2.3.2. Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán tại Công ty

Hiện nay công ty nên mở sổ cái TK 642 để theo dõi chi phí quản lý kinh doanh trong đó chưa theo dõi được các yếu tố chi phí. Công ty nên mở sổ chi tiết cho 642 để theo dõi chi tiết và cụ thể hơn các khoản mục và yếu tố chi phí.

Kế toán không mở sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán) và bảng tổng hợp thanh toán với người mua (người bán). Mục đích của hai loại sổ này giúp kế toán dễ dàng theo dõi tình hình công nợ của khách hàng đối với công ty cũng như công nợ của công ty đối với nhà cung cấp. Điều này cũng giúp cho ban lãnh đạo công ty dễ dàng nắm bắt được tình hình công nợ phải thu hoặc nợ phải trả của công ty như thế nào để từ đó đề ra các chính sách, các giải pháp phù hợp, kịp thời.

Công ty nên sử dụng các mẫu Sổ chi phí sản xuất kinh doanh theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính. (Biểu 3.1)

Lấy lại ví dụ phần quản lý kinh doanh từ đó kế toán ghi sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Công ty nên mở Sổ chi tiết thanh toán với người mua và Bảng tổng hợp thanh toán với người mua

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH Seidensticker Việt Nam

Phường Văn An – Chí Linh – Hải Dương

Mẫu số: S18-DNN

(Ban hành theo số : 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 6421 – Chi phí bán hàng

Tên sản phẩm, dịch vụ:

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ TK 6421						
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra					
						Lương	Vật liệu	CCDC	Khấu hao	Dịch vụ mua ngoài
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7
			- Số dư đầu kỳ		-						
			- Số phát sinh								
										
05/03	PC82	05/03	Tiền xe vận chuyển hàng	111	500.000						500.000
10/03	BL03	10/03	Tính lương trả cho bộ phận bán hàng	334	13.500.000	13.500.000					
10/03	BL03	10/03	Các khoản trích theo lương	338	3.105.000	3.105.000					
										
			- Cộng phát sinh		86.000.349	40.500.000	11.732.151	8.255.500	18.012.849	7.500.000
			- Ghi Có TK 6421		86.000.349						
			- Số dư cuối kỳ		-						

Biểu số 3.1 – Sổ chi phí sản xuất kinh doanh tài khoản 6421

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH Seidensticker Việt Nam

Phường Văn An – Chí Linh – Hải Dương

Mẫu số: S18-DNN

(Ban hành theo số : 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tên sản phẩm, dịch vụ:

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ TK 642						
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra					
						Lương	Vật liệu	CCDC	Khấu hao	Dịch vụ mua ngoài
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7
			- Số dư đầu kỳ		-						
			- Số phát sinh								
		
09/03	PC83	09/03	Trả tiền cước điện thoại	111	321.698						321.698
10/03	BL03	10/03	Tính lương trả bộ phận quản lý	334	42.500.000	42.500.000					
10/03	BL03	10/03	Các khoản trích theo lương	338	9.775.000	9.775.000					
12/03	PC87	12/03	Trả cước internet	111	396.364						396.364
										
			- Cộng phát sinh		115.447.000	81.902.700	5.480.000	4.520.000	12.040.300	11.504.000
			- Ghi Có TK 642		115.447.000						
			- Số dư cuối kỳ		-						

Biểu số 3.2 – Sổ chi phí sản xuất kinh doanh tài khoản 6422

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH Seidensticker Việt Nam

Phường Văn An – Chí Linh – Hải Dương

Mẫu số: S13-DNN

(Ban hành theo số : 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

Tài khoản:

Tên TK:

Đối tượng:

Năm

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn Chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ						
			Cộng phát sinh						
			Số dư cuối kỳ						

Biểu 3.3 – Sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH Seidensticker Việt Nam

Phường Văn An – Chí Linh – Hải Dương

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA(NGƯỜI BÁN)

Tài khoản:

Tên TK:

Năm :

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
	Tổng						

Biểu 3.4 – Bảng tổng hợp thanh toán với người mua (người bán)

3.2.3.3. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ đều phải ký vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng để quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý. Việc làm này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của công ty, hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho các cán bộ công nhân viên đối với quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

Công ty TNHH Seidensticker Việt Nam

Phường Văn An – Chí Linh – Hải Dương

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Thángnăm....

Ngày, tháng	Loại chứng từ	Ngày tháng chứng từ	Số tiền trên chứng từ	Ký tên	
				Bên giao	Bên nhận

Biểu số 3.5 – Phiếu giao nhận chứng từ

3.2.3.5. Một số giải pháp khác

Bộ phận kế toán thường xuyên có những buổi họp để trao đổi, phổ biến kiến thức chuyên môn, cập nhật thông tin kế toán mới để có sự phối hợp nhịp nhàng, ăn ý giữa các nhân viên kế toán, nhằm nâng cao năng suất hoạt động, phù hợp với giai đoạn tăng cường các hoạt động kinh doanh của công ty hiện nay.

Công ty nên tiếp cận các chuẩn mực kế toán quốc tế, chọn lọc và áp dụng phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp và chuẩn mực kế toán hiện nay của Việt Nam.

Hiện nay, công ty chỉ mới phân tích kết quả hoạt động kinh doanh ở mức so sánh chênh lệch của các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính như Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh mà chưa tổng hợp các chỉ tiêu để có thể nhìn thấy rõ tình hình tài chính của công ty. Vì vậy theo em, công ty nên lập bảng tổng hợp các chỉ tiêu về tài chính để có cái nhìn khái quát hơn.

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, muốn tồn tại được phải có sự phát triển không ngừng trong kinh doanh, cũng như chặt chẽ, nghiêm túc trong công tác quản lý và luôn nâng cao nghiệp vụ, mở rộng quan hệ trong hoạt động sản xuất kinh doanh để tiến kịp với sự đi lên của đất nước.

Là một doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực gia công may mặc, Công ty TNHH Seidensticker luôn khẳng định vị thế của mình trên thị trường. Đây là một trong những động lực thúc đẩy hoạt động kinh doanh của công ty ngày một phát triển hơn. Để đạt được thành tích như vậy phải kể đến công tác kế toán. Công ty đã chú trọng đầu tư cho công tác kế toán tài chính ngày càng hoàn thiện và phục vụ cho công việc quản lý ngày càng tốt hơn mà khâu đóng vai trò rất quan trọng là bán hàng và xác định kết quả kinh doanh. Có thể nói việc hạch toán doanh thu, chi phí và các định kết quả kinh doanh nói riêng và việc hạch toán kế toán nói chung tại công ty tương đối khoa học và hợp lý, song cũng không thể tránh khỏi những hạn chế. Với những kiến thức đã học, cùng với việc tiếp cận thực tế, em đã đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Seidensticker Việt Nam

Em xin chân thành cảm ơn Gv-Th.s Phạm Văn Tường, các thầy cô trong khoa quản trị kinh doanh trường Đại học Dân Lập Hải Phòng, các quý phòng ban trong Công ty TNHH Seidensticker đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Hải Dương, ngày.....tháng.....năm 2014

Sinh viên

Lê Thị Thu Huyền